

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Dự thảo

ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG
TRỌNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẠT CHUẨN
QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2026-2035

Năm 2026

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	3
Phần I	6
SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN	6
I. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Đề án.....	6
1. Cơ sở chính trị	6
2. Cơ sở pháp lý	11
3. Cơ sở thực tiễn.....	13
II. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển cơ sở GDNN chất lượng cao	17
1. Về mô hình đào tạo nghề chất lượng cao và các trung tâm đào tạo xuất sắc .	18
2. Kinh nghiệm quốc tế về tiêu chí xác định cơ sở/trung tâm đào tạo nghề xuất sắc (Centres of Vocational Excellence)	27
Phần II	50
PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO, TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ	50
I. Đánh giá thực trạng mạng lưới cơ sở GDNN và hệ thống trường chất lượng cao	50
1. Thực trạng mạng lưới cơ sở GDNN.....	50
2. Đánh giá kết quả triển khai Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025”	53
II. ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO, TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ ...	57
1. Sứ mạng.....	Error! Bookmark not defined.
1.1. Trường cao đẳng chất lượng cao	57
1.2. Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế	57
2. Tiêu chí xác định	57
2.1. Nguyên tắc xác định tiêu chí.....	58
2.2. Tiêu chí chung đối với trường cao đẳng chất lượng cao, trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế.....	59
2.3. Tiêu chí đối với trường cao đẳng chất lượng cao	59
IV. Tổ chức thực hiện	62

MỞ ĐẦU

Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) với sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nhân lực có kỹ năng cho lực lượng lao động Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần tăng năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng GDP, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đã góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng về “Phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động” và “Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới”.

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước ta 10 năm tới và các năm tiếp theo là: *“Đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.”* Để thực hiện mục tiêu trên, Văn kiện xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược.

Những năm qua, GDNN luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và toàn xã hội, đã không ngừng đổi mới và có nhiều chuyển biến tích cực¹, nhất là trong công tác quản lý nhà nước². Chất lượng và hiệu quả đào tạo được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng nhân lực có kỹ năng của doanh nghiệp cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngày nay, kỹ năng lao động được xác định là nhân tố quan trọng trong các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế đất nước. Thủ tướng Chính phủ đã quyết định lấy ngày 4 tháng 10 hằng năm là “Ngày Kỹ năng lao động Việt Nam” và ban hành Chỉ thị riêng về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới³.

Ngày 22/8/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo khẳng định rõ: (i) GDNN giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao; (ii) Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở GDNN; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; (iii) Lựa chọn đầu tư nâng cấp các cơ sở hoạt động hiệu quả, ưu tiên đầu tư hiện đại cho một số trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế; (iv) Cải cách mô hình GDNN, bổ sung cấp trung học nghề tương đương cấp trung học phổ thông; (v) Phân cấp mạnh quản lý các cơ sở GDNN về chính quyền địa phương với mục tiêu xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; mạng lưới cơ sở GDNN được sắp xếp

¹ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

² Thông báo số 130/TB-VPCP ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp với Bộ LĐTBXH về những vấn đề, nội dung cấp bách cần giải quyết và kiến nghị, đề xuất.

³ Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

phù hợp và đầu tư nâng cấp; phần đầu ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á.

Dự thảo Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã xác định xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trong đó: (i) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược; (ii) Xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; (iii) Phát triển giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là cấu phần quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân; (iv) Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất, có sự phân công, phân cấp, phân quyền hợp lý; đổi mới quản trị, bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; (v) Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược. Trong 06 nhiệm vụ trọng tâm có nhiệm vụ xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; trong 03 đột phá chiến lược có tập trung chuyên đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao.

Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 10/12/2025, tại khoản 3 Điều 5 quy định: *"Đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực. Ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục, đào tạo để thực hiện các nội dung sau đây: a) Chuẩn hóa cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hiện đại hóa một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế phù hợp với định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên tại các trung tâm kinh tế lớn; b) Đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ; ngành, nghề trọng điểm quốc gia; ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế và các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia"*.

Mạng lưới trường cao đẳng hiện nay có 392 trường với tổng quy mô tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, sơ cấp khoảng gần 874.000 học sinh, sinh viên tại 20 lĩnh vực; quy mô tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng còn hạn chế; còn trùng lặp về địa bàn, ngành, nghề đào tạo; tính thích ứng chưa cao để ứng phó kịp với sự thay đổi của khoa học công nghệ và yêu cầu đào tạo kỹ năng nghề cao; chưa thống nhất, đồng bộ giữa định hướng phát triển, dự báo nhu cầu và phát triển chương trình, hệ thống quản trị trong đào tạo chất lượng cao nói chung và các trường chất lượng cao nói riêng.

Từ thực trạng nêu trên, định hướng phát triển GDNN của Đảng, Chính phủ, việc xây dựng Đề án phát triển hệ thống trường cao đẳng chất lượng cao trọng điểm, trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi tắt là Đề án) là cần thiết để dẫn dắt, lan tỏa; đổi mới công nghệ và kỹ thuật số, thúc đẩy sáng tạo và đi đầu trong phương pháp thiết kế và

chuyển giao các chương trình giảng dạy mới; cung cấp các kỹ năng chất lượng cao theo quan điểm học tập suốt đời, thúc đẩy nghiên cứu và sự đổi mới; tạo nên hình ảnh giáo dục nghề nghiệp trở nên hấp dẫn hơn, bao trùm và có sự gắn kết; hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới; là cơ sở để tổ chức lại hệ thống cơ sở GDNN, nhất là các trường cao đẳng công lập để thực hiện thành công Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025.

Phần I

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Đề án nhằm cụ thể hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo (GDĐT) nói chung và hệ thống GDNN nói riêng. Căn cứ quy định của Đảng, Nhà nước, xuất phát từ tình hình, yêu cầu thực tiễn, việc ban hành Đề án là cấp thiết nhằm giải quyết những vấn đề về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng GDNN, xây dựng nguồn nhân lực có trình độ, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược có kỹ năng, phẩm chất toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

I. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Đề án

1. Cơ sở chính trị

Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách lớn về phát triển GDNN. Đề án nhằm triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ về phát triển GDĐT trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước, cụ thể:

- Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Văn kiện Đại hội xác định rõ một trong ba đột phá chiến lược của giai đoạn tới là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, gắn với yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đại hội đặt mục tiêu phát triển hệ thống giáo dục hiện đại, đồng bộ, công bằng, hội nhập; chú trọng GDNN, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và doanh nghiệp.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã xác định xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trong đó: (i) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược; (ii) Xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; (iii) Phát triển giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là cấu phần quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân; (iv) Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất, có sự phân công, phân cấp, phân quyền hợp lý; đổi mới quản trị, bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; (v) Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược. Trong 06 nhiệm vụ trọng tâm có nhiệm vụ xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; trong 03 đột phá chiến lược có tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung

ương và Kết luận 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đề ra nhiệm vụ: Tập trung đầu tư hiện đại hoá GDNN; trong đó đầu tư, phát triển một số cơ sở GDNN, ngành, nghề đào tạo, lĩnh vực mang tầm cỡ khu vực và quốc tế nhằm tạo đột phá, chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; chú trọng các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,...; xây dựng, chương trình đầu tư công hiện đại hoá GDNN...

- Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập: “Sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở GDNN theo hướng mở và linh hoạt đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hoá, hiện đại hoá, có phân tầng chất lượng. Nhà nước tập trung đầu tư một số cơ sở GDNN chất lượng cao và các cơ sở GDNN cho các nhóm đối tượng đặc thù phù hợp với khả năng đầu tư của Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của xã hội.”; “Sáp nhập trường trung cấp vào trường cao đẳng; giải thể các trường trung cấp, cao đẳng hoạt động không hiệu quả. Về cơ bản, trên địa bàn cấp tỉnh chỉ còn một đầu mối đào tạo nghề công lập. Sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục dạy nghề trên địa bàn cấp huyện.”; “Rà soát, hoàn thiện quy hoạch định hướng mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương”; “Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công; “Hoàn thiện cơ chế tài chính”; “Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hoá...”; “Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hoá, nhất là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn mà khu vực ngoài công lập làm được và làm tốt”; “Tăng cường gắn kết giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các cơ sở GDNN để đào tạo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Xây dựng chính sách để doanh nghiệp được tham gia GDNN theo hình thức đặt hàng của Nhà nước và của doanh nghiệp khác; được tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo tại cơ sở GDNN và đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên”; “Đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên, thực hiện quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp.”; “Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hoá, trước hết là các cơ sở giáo dục đại học, GDNN và các cơ sở y tế, tổ chức khoa học và công nghệ ở các địa bàn có khả năng xã hội hoá cao.”...

- Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới tiếp tục đặt ra yêu cầu:

Đổi mới GDNN theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào GDNN; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở GDNN. Đẩy nhanh xã hội hoá GDNN; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đề ra nhiệm vụ: *Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo. Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, nâng cao năng lực số trong xã hội.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đề ra nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân, trong đó có nêu: *Tập trung các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở GDNN chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm. Khuyến khích phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, nhân rộng, chuyển giao các chương trình đào tạo tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế tư nhân. Hỗ trợ, khuyến khích hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nhân lực. Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp...*

- Nghị quyết số 71/NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển GDĐT khẳng định rõ: (i) GDNN giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao; (ii) Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở GDNN; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; (iii) Lựa chọn đầu tư nâng cấp các cơ sở hoạt động hiệu quả, ưu tiên đầu tư hiện đại cho một số trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế; (iv) Cải cách mô hình GDNN, bổ sung cấp trung học nghề tương đương cấp trung học phổ thông; (v) Phân cấp mạnh quản lý các cơ sở GDNN về chính quyền địa phương với mục tiêu xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; mạng lưới cơ sở GDNN được sắp xếp phù hợp và đầu tư nâng cấp; phân đầu ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á.

- Chỉ thị 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra mục tiêu: *Có khoảng 90 cơ sở GDNN chất lượng cao, trong đó có một số cơ sở GDNN thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng; có khoảng 200 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 15 - 20 ngành, nghề có năng*

lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới; đồng thời đặt ra nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm: Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về GDNN, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng; ưu tiên quỹ đất sạch dành cho GDNN, khuyến khích phát triển cơ sở GDNN của tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài; đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bảo đảm “học đi đôi với hành”; nâng cấp và chuẩn hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đào tạo. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, người dạy nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN theo hướng hiện đại, chất lượng cao, tiếp cận chuẩn của các nước tiên tiến; nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác về GDNN giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia GDNN từ khâu tuyển sinh, đào tạo đến sử dụng, thành lập các cơ sở thực hành tại các cơ sở GDNN. Chuyển nhanh cơ chế cấp phát ngân sách sang đặt hàng, giao nhiệm vụ; đẩy mạnh xã hội hoá, hợp tác công - tư nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực cho phát triển GDNN, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực, địa bàn mà khu vực ngoài công lập có thể tham gia. Bảo đảm chính sách bình đẳng đối với các cơ sở GDNN công lập và ngoài công lập. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; cập nhật kịp thời các tiêu chuẩn, công nghệ mới trong GDNN...

- Chỉ thị 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo sự đồng bộ, liên thông, nâng cao chất lượng công tác phân luồng học sinh sau trung học đáp ứng yêu cầu đề ra. Chú trọng chính sách ưu tiên đầu tư phát triển GDNN, hỗ trợ học nghề, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông lựa chọn chương trình giáo dục phù hợp, được thuận lợi trong chuyển đổi giữa các chương trình giáo dục, học thường xuyên, học suốt đời, liên thông giữa các trình độ đào tạo GDNN và cấp học cao hơn. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới GDNN theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá gắn với quy hoạch hệ thống giáo dục quốc dân, quy hoạch quốc gia, ngành, lãnh thổ. Đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, phương thức GDNN theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, tiếp cận dần chuẩn các nước tiên tiến.*

- Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, tạo cơ hội cho mọi người dân tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn. Xây dựng các trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, phù hợp với phát triển các ngành nghề ưu tiên tại các trung tâm kinh tế lớn; ưu tiên đầu tư hiện đại cho một số trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế.”*

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển GDĐT, nhằm thể chế hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết 71-NQ/TW. Nghị quyết xác định mục tiêu mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông để đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á; nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH; phát triển GDNN, hiện đại hóa, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng; đến năm 2045, Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng, thuộc nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới.

- Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 – 2035; trong đó mục tiêu: *Đầu tư trọng điểm cho 18 trường cao đẳng, trong đó 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; đầu tư cho khoảng 30 trường cao đẳng để đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN;*

- Căn cứ văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là yếu tố quan trọng để phát triển con người toàn diện và đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cải cách mô hình giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ và quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên ngân sách đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành công nghệ, kỹ thuật và các dự án chiến lược quốc gia.

Đánh giá chung, các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ về đổi mới, phát triển GDNN gồm các nội dung chính như sau: (i) GDĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển KTXH; (ii) Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT là đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo; (iii) Đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh phân luồng sau THCS, định hướng nghề nghiệp ở THPT. Quy hoạch lại mạng lưới GDNN gắn với quy hoạch phát triển KTXH, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; (iv) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là đột phá chiến lược để phát triển đất nước nhanh và bền vững; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động để cập nhật kiến thức, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong sản xuất kinh doanh dịch vụ. Chuẩn hóa chất lượng, phát triển trường nghề chất lượng cao, tiếp cận chuẩn khu vực và quốc tế; (v) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng cao; (vi) Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển GDĐT; (vii) Tăng cường ứng dụng CNTT

trong dạy, học và quản lý; đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ; (viii) Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

2. Cơ sở pháp lý

Đề án nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH và phát triển GDNN trong Luật GDNN 2025 và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan:

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 10/12/2025, tại khoản 3 Điều 5 quy định: *"Đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực. Ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục, đào tạo để thực hiện các nội dung sau đây: a) Chuẩn hóa cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hiện đại hóa một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế phù hợp với định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên tại các trung tâm kinh tế lớn; b) Đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ; ngành, nghề trọng điểm quốc gia; ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế và các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia"*.

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo yêu cầu: *Xây dựng Đề án phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao gồm các trường chất lượng cao, trường thực hiện chức năng của trung tâm vùng, trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao*⁴.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 10 năm 2021-2030 đã xác định rõ phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, có trình độ kỹ năng nghề cao là một trong ba đột phá chiến lược. Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025: Đề án xây dựng phù hợp và đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng đã được xác lập trong Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2021-2025. Trong đó, Đề án hướng đến phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số,... thông qua đánh giá để lựa chọn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các cơ sở GDNN, tập trung vào các ngành khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề. Đồng thời, hướng đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển thị trường lao động hiện đại, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và hội nhập quốc tế thông qua các mục tiêu phát triển toàn diện người học về phẩm chất, năng lực, kỹ năng số, ngoại ngữ và tư duy sáng tạo; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái giáo dục thông minh, đào tạo nhân lực thích ứng với thị trường lao động mở và linh hoạt.

⁴ Phó Thủ tướng chính phủ Lê Thành Long đồng ý với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh xây dựng văn bản thuộc Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2025; trong đó thời gian trình Đề án vào Quý I/2026 tại Công văn số 11139/VPCP-KGVX ngày 13/11/2025.

- Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Đề án phù hợp và góp phần cụ thể hóa Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên các phương diện: (i) nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng và hiện đại hóa GDNN, phù hợp với định hướng phát triển hệ thống GDNN mở, linh hoạt, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế mà Chiến lược đề ra. Mục tiêu đầu tư trọng điểm cho các cơ sở GDNN chất lượng cao, hình thành mạng lưới cơ sở đạt chuẩn quốc gia, vùng và quốc tế, chính là hiện thực hóa lộ trình phát triển mạng lưới GDNN theo Chiến lược; (ii) ưu tiên phát triển nhân lực có kỹ năng nghề cao, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, công nghệ số, AI, tự động hóa... phù hợp với mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam có 55% lực lượng lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; trong đó khoảng 30% đạt trình độ cao; (iii) thúc đẩy chuyển đổi số trong GDNN, tăng cường ứng dụng công nghệ, phát triển hệ sinh thái số hỗ trợ người học và nhà trường, hoàn toàn thống nhất với định hướng “phát triển GDNN số” và “tăng cường năng lực thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” mà Chiến lược đã xác lập; (iv) chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN ở những ngành nghề trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác công - tư, kết nối cơ sở giáo dục và doanh nghiệp, góp phần hiện thực hóa giải pháp đột phá trong Chiến lược về chất lượng đội ngũ và gắn kết đào tạo với thị trường lao động.

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2021-2025: Phần đầu đến năm 2020 có khoảng 40 trường cao đẳng chất lượng cao và đến năm 2025 có khoảng 70 trường cao đẳng chất lượng cao

- Kết luận số 141-KL/BCĐTKNQ18 của Ban Chỉ đạo về Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ: Thực hiện sắp xếp theo Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm 04 cấp: quốc gia, vùng, ngành, tỉnh. Giao Bộ LĐTBXH (trước đây), nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDNN.

- Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xác định giáo dục là một trong 08 lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số, với mục tiêu phát triển nền giáo dục số, đổi mới phương thức giảng dạy và học tập, thúc đẩy và hỗ trợ phát triển hệ sinh thái học tập suốt đời và giáo dục mở; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 xác định rõ vai trò then chốt của giáo dục trong việc kiến tạo và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Những định hướng trọng tâm này sẽ được cụ thể hóa thông qua các nội dung thúc đẩy mạnh mẽ gắn kết GDNN với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, khuyến khích các mô hình liên kết hiệu quả giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp.

- Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 xác định mục tiêu chủ đạo là tận dụng có hiệu quả các cơ hội của Cách mạng

công nghiệp lần thứ tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong đó, GDĐT là nền tảng quan trọng để đạt được mục tiêu này. Đề án sẽ góp phần thúc đẩy liên kết giữa GDNN, doanh nghiệp và công nghệ, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong nhà trường; hỗ trợ đào tạo nghề chất lượng cao gắn với các ngành công nghệ mới, bảo đảm người học có thể tham gia thị trường lao động toàn cầu trong bối cảnh chuyển đổi số và số hóa sản xuất.

- Đề án phù hợp với định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội ban hành tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Chính phủ ban hành tại Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022. Trong đó, phù hợp với định hướng không gian phát triển mạng lưới cơ sở GDNN đề ra trong Quy hoạch tổng thể quốc gia như phát triển đồng bộ, hiện đại phù hợp với phân bố dân cư, điều kiện phát triển KTXH và quá trình đô thị hóa; gắn với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; ưu tiên phát triển hệ thống GDNN tại các vùng động lực, vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn, trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, các khu kinh tế, khu công nghiệp nhằm phục vụ nhu cầu nhân lực chất lượng cao. Tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ giáo dục giữa các vùng miền, bảo đảm công bằng trong giáo dục. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong phát triển cơ sở giáo dục.

- Trong nội dung các quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội⁵, quy hoạch tỉnh, thành phố, quy hoạch chuyên ngành đều có nhiệm vụ giải pháp phát triển GDNN. Đề án được xây dựng nhằm mục tiêu tập trung triển khai các nhiệm vụ cấp bách, trọng điểm, đột phá về phát triển GDNN về phát triển các cơ sở GDNN chất lượng cao trong các quy hoạch hiện hành; bảo đảm phù hợp với toàn bộ các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại

⁵ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới CSGDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó yêu cầu hiện đại hóa GDNN, tập trung đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao.

Chiến lược phát triển KTXH đến năm 2030 yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, gắn với phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, tăng trưởng bao trùm là cơ hội để thúc đẩy phát triển GDNN, hình thành những ngành nghề đào tạo mới, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao, các nghề “xanh”; thúc đẩy các cơ sở GDNN nâng cao năng lực không chỉ đáp ứng về quy mô mà còn đáp ứng cơ cấu và chất lượng, đặc biệt là các ngành, nghề mũi nhọn, có sức cạnh tranh cao của nền kinh tế. Đồng thời tạo điều kiện để mở rộng hoạt động đào tạo cho các vùng, miền, các nhóm đối tượng yếu thế, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Thị trường lao động trong mô hình tăng trưởng mới ở nước ta với quy mô đến năm 2025 gần 66 triệu người, trong đó 75% làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ sẽ là thị trường lao động hiện đại với nhiều ngành nghề mới, nhiều phân lớp thị trường nhân lực, đòi hỏi những tiêu chuẩn lao động mới, kỹ năng mới. Điều này là cơ hội, nhưng cũng là yêu cầu hệ thống GDNN phải đổi mới mạnh mẽ, có đủ năng lực để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của thị trường việc làm.

Nhận thức của các cấp, ngành và toàn xã hội về vai trò và tầm quan trọng của GDNN đã có sự chuyển biến tích cực. GDĐT nói chung và GDNN nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm trong thời gian qua; đầu tư của nhà nước và xã hội cho GDNN từng bước được nâng lên; các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở GDNN được cải thiện và phát triển, năng lực đào tạo của hệ thống GDNN tăng đáng kể.

Cuộc CMCN lần thứ tư tác động tới chuyển dịch sản xuất theo hướng từ nền kinh tế năng suất thấp sang nền kinh tế năng suất cao; tạo ra những thay đổi lớn trong cơ cấu của các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp cũng như đóng góp của mỗi ngành trong tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế của nước ta thời gian tới. Đây là thách thức và cũng là cơ hội để GDNN Việt Nam tận dụng được các lợi ích của CMCN lần thứ 4 như tổ chức đào tạo linh hoạt (trí tuệ nhân tạo; thực tế ảo; đào tạo trực tuyến...), người học tự học với nhiều phương thức, khắc phục được những hạn chế như trình độ ngoại ngữ và tiếp cận với các công nghệ mới trong quản lý và quản trị nhà nước, quản trị cơ sở GDNN.

Lĩnh vực GDNN đã đạt được nhiều thành tựu, song trong giai đoạn tới GDNN sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, đó là: Các rủi ro phi truyền thống (như sự tác động của biến đổi khí hậu, các đại dịch ngày càng diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và sự phát triển của doanh nghiệp, tác động tới cơ hội việc làm của học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp. Chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo GDNN trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng lần thứ XIII là thách thức lớn đối với hệ thống GDNN, đòi hỏi vừa phải tăng nhanh quy mô đào tạo trong thời gian ngắn nhưng vẫn phải đảm bảo cơ cấu và chất lượng đào tạo. Để thực hiện được nhiệm vụ này, đòi hỏi phải có các giải

pháp đồng bộ, trong đó có những giải pháp đột phá và phải thực hiện quyết liệt trong thời gian ngắn.

Tăng trưởng bao trùm, tăng trưởng xanh là chiến lược tăng trưởng kinh tế nước ta. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa và sự dịch chuyển của các chuỗi giá trị toàn cầu lại là một yếu tố hạn chế tính bao trùm, tạo ra nhóm người dễ bị “tổn thương”, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Để giải quyết mâu thuẫn này, một mặt phải đẩy mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao ở những nghề đáp ứng được những tiêu chuẩn quốc tế, có tính cạnh tranh cao trong môi trường toàn cầu hóa; mặt khác lại phải tổ chức đào tạo nhân lực cho những ngành nghề thâm dụng lao động. Đây là thách thức lớn đối với hệ thống GDNN cả ở khía cạnh tổ chức thực hiện và nguồn lực để thực hiện, trong điều kiện ngân sách quốc gia phải sử dụng cho nhiều mục đích phát triển kinh tế xã hội khác nhau.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam đang bắt đầu trở thành một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới. Theo dự báo của Tổng cục thống kê, đến năm 2030, tỷ lệ người cao tuổi Việt Nam chiếm 18% dân số, nghĩa là chuẩn bị bước vào ngưỡng của quốc gia “dân số già”.⁶ Từ nay đến năm 2030, Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự thay đổi mạnh mẽ của cơ cấu dân số, đặc biệt dân số trong nhóm thanh niên từ 15-29 tuổi trong cơ cấu lao động giảm. Điều này có nghĩa nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng sẽ ảnh hưởng, do vậy tăng cường đầu tư chiều sâu cho vốn con người, thông qua GDĐT, trong đó có GDNN và các nhân tố đẩy mạnh tăng năng suất khác càng trở nên thiết yếu hơn nếu muốn duy trì bền vững tăng trưởng cao; đồng thời chú trọng đến đào tạo kỹ năng mới, tạo việc làm mới phù hợp với nhóm lao động cao tuổi.

Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm tới 98% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động) nên khả năng hấp thụ công nghệ mới và tiếp nhận lao động có kỹ năng cao còn thấp; đồng thời khả năng tham gia chủ động của doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong hoạt động GDNN rất hạn chế. Theo dự báo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), cứ sau 5 năm 30% kỹ năng nghề nghiệp hiện tại của người lao động sẽ không được sử dụng nữa, phải thay thế bằng những kỹ năng mới. Điều này đòi hỏi hệ thống GDNN phải đổi mới hoạt động đào tạo, không chỉ trang bị kỹ năng nghề nghiệp mà còn phải trang bị cho người học kỹ năng thích ứng với sự thay đổi; đồng thời phải tăng cường các hoạt động đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, CMCM lần thứ tư đòi hỏi hạ tầng chuyên đổi số, nguồn dữ liệu, tài nguyên GDNN và các lĩnh vực ngành, nghề được tạo ra và quản trị sử dụng, chia sẻ trên nền tảng khoa học dữ liệu, tuy nhiên, năng lực tiếp cận chuyên đổi số, GDNN số trong hệ thống GDNN đang là điểm hạn chế.

Năng lực hội nhập của lao động Việt Nam chưa cao; kỹ năng nghề còn yếu so với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới. Tại “Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu trong thời kỳ 4.0” (GCI 4.0) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) năm

⁶ Theo Quỹ dân số Liên hợp quốc, quốc gia có tỷ lệ người cao tuổi chiếm từ 20%-30% gọi là quốc gia “dân số già” và Việt Nam trong khoảng từ 2021-2037 là giai đoạn chuyển tiếp từ quốc gia “già hóa dân số” sang “dân số già”.

2023 cho thấy chỉ số chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam dựa trên kết quả đánh giá của doanh nghiệp đã nằm trong top 4 ASEAN (năm 2014 chưa có xếp hạng, năm 2019 xếp thứ 8 trong ASEAN). Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thực hiện dựa trên kết quả điều tra đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp cho thấy chất lượng đào tạo nghề trên thang điểm 6 đã đạt 4.4 điểm (năm 2018 chỉ đạt 3.8 điểm). Nâng cao kỹ năng của người lao động, tạo điều kiện cho lao động Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng nhân lực toàn cầu là yêu cầu cấp thiết đặt ra của nền kinh tế và đây là thách thức lớn, đòi hỏi hệ thống GDNN Việt Nam phải thay đổi mạnh mẽ.

Trong bối cảnh mới, các thách thức và cơ hội, những mặt tích cực và tiêu cực đan xen, đòi hỏi GDNN phải chủ động, sáng tạo khai thác tận dụng thời cơ đổi mới mạnh mẽ tư duy, hoàn thiện thể chế, nhận diện rõ các xu hướng, xác định đúng quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển trên cơ sở đó xây dựng hệ thống nhiệm vụ, giải pháp, nhất là lựa chọn các giải pháp đột phá, xác định được lộ trình phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Từ bối cảnh trên, có thể nhận định về một số xu hướng phát triển GDNN chủ yếu là:

(i) GDNN được nhìn nhận trong mối quan hệ tổng hòa với giáo dục đào tạo, thị trường lao động, việc làm, nguồn nhân lực, phát triển KTXH và phục vụ nhiệm vụ chính trị.

(ii) Phát triển GDNN theo hướng hiện đại, đa dạng, mở, linh hoạt, liên thông, dễ tiếp cận về cơ cấu ngành/ngành, trình độ và phương thức đào tạo (đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao..), tạo ra nhiều cơ hội, mở ra nhiều con đường cho tất cả mọi người có thể lựa chọn để phát triển năng lực cá nhân và thành công trong suốt cuộc đời lao động nghề nghiệp.

(iii) Cơ cấu lao động chuyển dịch từ khu vực năng suất lao động thấp sang khu vực năng suất lao động cao, đòi hỏi GDNN phải nhanh chóng chuyển từ mô hình đào tạo theo số lượng, sang mô hình đào tạo chất lượng, phân tầng chất lượng (nhất là chất lượng cao và trình độ cao) với quy mô thích hợp theo các giai đoạn phát triển kinh tế.

(iv) Hợp tác với doanh nghiệp là yếu tố truyền thống, then chốt về chất lượng và tính thích ứng của GDNN. Kết hợp giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp với vị thế là đồng chủ thể của quá trình đào tạo sẽ tạo nên mô hình đào tạo hiệu quả nhất trong GDNN.

(v) Triển khai đa dạng và hiệu quả các chiến dịch và các kênh truyền thông để nâng cao hình ảnh, vị thế, sức hấp dẫn và giá trị xã hội của GDNN.

Khả năng định GDNN là hướng đi chủ yếu trong hành trình học suốt đời của người lao động.

(vi) Ứng dụng nhanh, rộng rãi các thành quả của công nghệ đào tạo, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn vào quá trình dạy - học, quản lý và quản trị, đổi mới sáng tạo - khởi nghiệp trong GDNN.

(vii) Thế giới việc làm thay đổi nhanh và khó đoán định; do vậy cần chuyển hướng đào tạo từ diện nghề hẹp, chuyên sâu sang đào tạo diện nghề rộng, tích hợp liên ngành/ngành dựa trên nền tảng tăng hàm lượng chất xám và kỹ năng thích ứng linh hoạt, để người học dễ dàng dịch chuyển nghề nghiệp trên thị trường lao động không biên giới và đa văn hóa.

(viii) Sự tham gia của các lực lượng xã hội liên quan trong hoạt động GDNN như nhà nước, người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng... là sự đảm bảo cho thành công và hiệu quả của GDNN hiện đại. Các Hội đồng kỹ năng ngành, nghề quốc gia với thành phần là đại diện của các bên liên quan ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kỹ năng nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

II. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển cơ sở GDNN chất lượng cao

Trên bình diện thế giới, quá trình quốc tế hoá sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng tạo ra xu hướng quốc tế hóa nguồn nhân lực. Hình thành chuỗi giá trị toàn cầu mở ra khả năng di chuyển lao động giữa các nước đòi hỏi người lao động phải có kỹ năng nghề cao, có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế với những tiêu chuẩn, tiêu chí do thị trường lao động xác định. Bên cạnh đó, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu, khu vực, đặc biệt với việc một số nước, trong đó có Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, RCEP, EVFTA....) với những tiêu chuẩn lao động mới, tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, các chuẩn quốc tế, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển GDNN. Bên cạnh đó, cạnh tranh giữa các quốc gia, giữa các lĩnh vực, trong đó có cạnh tranh về nhân lực chất lượng cao đang và sẽ ngày càng gay gắt, tác động đến thị trường nhân lực toàn cầu và trong từng quốc gia.

Khoa học công nghệ thế giới tiếp tục phát triển nhanh chóng, nhất là tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông đang và sẽ tạo ra sự thay đổi có tính đột phá trong nhiều lĩnh vực, trong đó có GDNN, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và quản lý GDNN, tạo cơ hội mới cho GDNN phát triển; đồng thời có điều kiện để đáp ứng được các tiêu chuẩn hiện đại của nhiều quốc gia phát triển.

Tăng trưởng xanh và phát triển bao trùm đang trở thành xu thế thời đại và được đưa vào mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, đòi hỏi các quốc gia phải có chiến lược phát triển nhân lực đáp ứng các mục tiêu này. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư sẽ tác động tới chuyển dịch sản xuất công nghiệp quốc gia theo hướng từ nền kinh tế năng suất thấp sang nền kinh tế

năng suất cao; làm thay đổi mạnh mẽ phương thức quản trị toàn cầu; tạo ra những thay đổi lớn trong cơ cấu của các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp cũng như đóng góp của mỗi ngành trong tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế của nước ta thời gian tới. Đây là thách thức và cũng là cơ hội để GDNN Việt Nam tận dụng được các lợi ích của CMCN lần thứ tư, tổ chức đào tạo linh hoạt, theo hướng cầu của nền kinh tế.

Đào tạo theo hướng cầu đã trở thành cách tiếp cận đào tạo có hiệu quả và đang được thực hiện rất thành công ở các quốc gia phát triển. Chương trình việc làm toàn cầu của Tổ chức lao động quốc tế (ILO), đã khuyến cáo các quốc gia tổ chức đào tạo nghề linh hoạt theo hướng cầu của thị trường lao động, nhằm tạo việc làm bền vững. Tổ chức Giáo dục, khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã nêu rõ, phát triển kỹ năng nghề gắn với học tập suốt đời sẽ là xu hướng phát triển GDNN trong thế kỷ XXI⁷. Theo một nghiên cứu về các xu hướng toàn cầu đang nổi lên trong GDNN⁸ coi kỹ năng là một loại “tiền tệ quốc tế”, là một nguồn lợi thế kinh tế và ngày càng “có thể giao dịch”.

Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) song phương và đa phương, đặc biệt là trong khuôn khổ ASEAN, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho sự dịch chuyển lao động có kỹ năng nghề giữa các quốc gia thành viên. Dịch chuyển lao động có kỹ năng nghề trở thành một xu hướng tất yếu, giúp người lao động có cơ hội làm việc tại các môi trường quốc tế, nâng cao thu nhập và tích lũy kinh nghiệm. Các quốc gia phát triển có thể có những chính sách thu hút lao động kỹ năng cao từ các nước khác, trong khi các nước đang phát triển cần có những giải pháp để giữ chân và phát triển nguồn nhân lực của mình.

1. Về mô hình đào tạo nghề chất lượng cao và các trung tâm đào tạo xuất sắc

GDNN là một lĩnh vực chính sách phức hợp, giao thoa giữa giáo dục, đào tạo, xã hội, kinh tế và các chính sách thị trường lao động. GDNN được kỳ vọng sẽ giải quyết các nhu cầu kỹ năng hiện tại và tương lai của nền kinh tế, nhu cầu của các cá nhân về khả năng làm việc ngắn hạn đến dài hạn⁹. Một hệ thống GDNN tốt phải trở thành một trụ cột thiết yếu cho tăng trưởng kinh tế và gắn kết xã hội, góp phần làm cho việc học tập suốt đời trở thành hiện thực. Ở hầu hết các nước trên thế giới, GDNN có vị trí, vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và giải quyết tình trạng thất nghiệp trong thanh niên, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Điều này được minh chứng tại các quốc gia có hệ thống GDNN mạnh mẽ như: Úc, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch, Canada, Hàn Quốc, Singapore, Séc, Estonia, Ba Lan... và các quốc gia này luôn cải cách hệ thống GDNN phù hợp với các mục tiêu phát triển theo từng thời kỳ¹⁰.

CMCN lần thứ tư gần đây là một trong những chìa khóa và động lực làm thay đổi của các chính sách và hệ thống GDNN; thúc đẩy hình thành nội dung

⁷ Đại hội quốc tế lần thứ hai về TVET (Seoul, 1999) của UNESCO

⁸ Nghiên cứu của Cisco và Optus/Alphawest, Nguồn <https://www.voced.edu.au/content/ngv%3A56536>

⁹ ETF, 2013

¹⁰ OECD, 2018

và hình thức mới của công việc, kỹ năng và yêu cầu nghề nghiệp. Tự động hóa, trí tuệ ảo, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và học máy là những khái niệm đã và đang là một phần của cuộc sống và môi trường làm việc. Bên cạnh đó, toàn cầu hóa, những thách thức về môi trường, những thay đổi về nhân khẩu học và sự gia tăng bất bình đẳng là những yếu tố chính cần được tính đến khi nhìn vào tương lai của công việc và kỹ năng trong bối cảnh số hóa nền kinh tế trên toàn thế giới. Do đó, đào tạo lại kỹ năng và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động là rất quan trọng trong kỷ nguyên CMCN lần thứ tư. Các nền kinh tế phát triển đã đón đầu được xu hướng này và có các chính sách, hành động cụ thể như ban hành chiến lược mới, tái cơ cấu lại các cơ sở GDNN, hình thành mạng lưới các trường chất lượng cao (high-quality), thành lập các trung tâm nghề xuất sắc (Center of Excellence/Hubs), các Viện nghiên cứu và thực hành GDNN.... Sự nhạy bén trong quyết sách của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, sự quan tâm, đầu tư của Chính phủ và những bước đi táo bạo, quyết liệt đã đưa GDNN của các quốc gia này lên một tầm cao mới.

Mô hình Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc tại các nước châu Âu¹¹

Châu Âu là nơi khởi đầu cho khái niệm Trung tâm Đào tạo nghề Xuất sắc (Centres of Excellence) là mô hình trường cao đẳng chất lượng cao và các viện nghiên cứu, chuyển giao chương trình, kỹ thuật. Đặc điểm nổi bật của mô hình này là sự đầu tư có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ và khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tập trung vào các ngành công nghệ cao. Đây cũng là nơi đào tạo, nâng cao năng lực cho các giảng viên, giáo viên hạt nhân. Mô hình này cũng được chuyển giao và hỗ trợ thiết lập tại các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Tại **Hà Lan**, vào cuối những năm 1990, Chính phủ Hà Lan đã hợp nhất các trường và cấp học GDNN thành một số Trung tâm Đào tạo Khu vực Lớn (Large Regional Training Centres) và sau đó đã thành lập các Trung tâm Chuyên môn (Centres of Expertise), Trung tâm Thủ công Sáng tạo (Centres of Innovative Craftmanship) ở GDNN bậc trung. Đây là các liên doanh công tư trong đó các trường dạy nghề trung học, cao đẳng cộng đồng, các công ty, chính phủ và các nhà nghiên cứu hợp tác để đào tạo. Trong những năm gần đây, cộng đồng này đã phát triển đáng kể với hơn 130 trung tâm, hơn 4.500 công ty, khoảng 50.000 sinh viên, gần 4.000 giáo viên và 83 trường trung cấp, cao đẳng cộng đồng tham gia.

Tại **Anh**, đã có những bước phát triển mạnh mẽ các trung tâm xuất sắc (Centres of Excellence). Các nhà hoạch định chính sách tin rằng việc đầu tư và thành lập và trung tâm đào tạo chất lượng cao và năng lực của các nhà cung cấp GDNN chuyên biệt cấp cao để có thể đáp ứng các kỹ năng cần thiết của thị trường lao động (ví dụ như Trung tâm xuất sắc ở Wales nhằm lấp đầy khoảng trống kỹ năng trong nền kinh tế các-bon thấp) và giải quyết vấn đề đổi mới,

¹¹ ETF, Centres of Vocational Excellence – An engine for vocational education and training development, 2020

nghiên cứu, phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp địa phương phù hợp với công nghệ thông minh (ví dụ: InnoTech ở Bắc Ai-len).

Tại **Tây Ban Nha**, một trong những Trung tâm xuất sắc (CoVE) được công nhận là Tknika ở Basque Country. Đây là trung tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong GDNN để hỗ trợ ứng phó với cuộc cách mạng kỹ thuật số và nhu cầu của các doanh nghiệp để trở nên cạnh tranh hơn trên thị trường toàn cầu. Tknika cung cấp các phương pháp luận mới để hỗ trợ giáo viên và người học phát triển thái độ nghề nghiệp xuất sắc và đạt được kết quả học tập tốt. Đổi mới, sáng tạo, tinh thần kinh doanh và chuyển giao cho mạng lưới các nhà cung cấp GDNN trong khu vực là những động lực chính trong các hoạt động của Tknika. Cộng đồng tự trị Aragon có Trung tâm Sáng tạo Aragon (CIFPA) có nhiệm vụ thúc đẩy đổi mới công nghệ trong hệ thống đào tạo nghề của khu vực. CIFPA tập trung nỗ lực vào đổi mới trong đào tạo nghề và tạo ra mạng lưới và quan hệ đối tác giữa các công ty, sinh viên và người lao động.

Tại **Bỉ** với mạng lưới 24 trung tâm và **Đan Mạch** là những ví dụ điển hình về sự lãnh đạo của các tổ chức ngành, khu vực nhằm thúc đẩy sự xuất sắc trong GDNN. **Latvia** tối ưu hóa mạng lưới các cơ sở GDNN, tập trung nhiều vào việc cân bằng các phương pháp tiếp cận theo ngành và khu vực để thiết lập các trung tâm GDNN có năng lực, trong khi **Estonia** có kinh nghiệm tập trung vào các trung tâm GDNN đa chức năng trong khu vực để thúc đẩy tinh thần kinh doanh và sáng tạo để phát triển và quản lý kinh doanh. Những trung tâm này được gọi là “cụm công nghiệp” (industrial clusters) nhằm phát triển trung tâm đào tạo theo từng ngành nghề chuyên môn ở từng khu vực, đồng thời, tạo nên một giá trị gia tăng về lực lượng lao động có tay nghề cao, có trình độ và chuyên môn hóa trong các lĩnh vực khác nhau (vùng Tuscany ở Ý hoặc Baden -Württemberg ở Đức). Các cụm công nghiệp này kết nối các công ty với các tổ chức địa phương, các nhà cung cấp công nghệ và các trường dạy nghề. Những sáng kiến này cho thấy cách tiếp cận khu vực và ngành được cân bằng và trở thành mạng lưới học tập, nơi người sử dụng lao động tham vấn lẫn nhau và chia sẻ chi phí đào tạo.

Tại **Ý**, một mạng lưới các viện kỹ thuật cao (Istituti Tecnici Superiori - ITS) được thành lập vào năm 2010 với tư cách là các cơ sở đào tạo sau trung học. ITS được phân loại là “trường chuyên môn hóa công nghệ cao” nhằm thúc đẩy giáo dục chuyên môn hóa cao, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng kỹ thuật cần thiết trên thị trường lao động.

Từ những thành công và hiệu quả rõ rệt từ hoạt động của các trung tâm, cơ sở đào tạo chất lượng cao chuyên biệt này, từ năm 2018, Liên minh châu Âu (thông qua Tổ chức Đào tạo châu Âu – ETF) đã thống nhất chủ trương xây dựng các Trung tâm Ưu việt Đào tạo nghề - Centers for Vocational Excellence (CoVE) tại các nước châu Âu và các nước ngoài châu Âu (mỗi nước thành lập một CoVE) và nguồn ngân sách sẽ thông qua chương trình Erasmus+ và các công cụ khác để hỗ trợ sự phát triển của CoVE và các nền tảng CoVE xuyên quốc gia.

Mô hình đào tạo nghề kép (dual system)

Đức, Áo và Thụy Sĩ có hệ thống đào tạo nghề được đánh giá là một trong những hệ thống đào tạo nghề thành công nhất trên thế giới, trong đó đào tạo nghề kép chính là niềm tự hào của người dân Đức, Áo, Thụy Sĩ và là trụ cột trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của các quốc gia này.

Bộ luật Đào tạo nghề năm 1969 áp dụng ở CHLB Đức được coi là nền tảng cơ bản của sự phát triển hệ thống đào tạo nghề kép (Dual training system). Đạo luật này đã hệ thống hóa và tiêu chuẩn hóa hệ thống đào tạo nghề trên khắp nước Đức, đóng vai trò là nền tảng mà nhà nước, doanh nghiệp và công đoàn có thể phối hợp hiệu quả để cung cấp hệ thống kép cho một nước Đức hiện đại. Năm 2005 và năm 2020, Đạo luật Đào tạo nghề được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với những thay đổi mới, như toàn cầu hóa nền kinh tế, đa dạng và dịch chuyển cơ cấu lao động, trong đó bao gồm các nội dung về đào tạo nghề kép. Ngoài ra, các khía cạnh của đào tạo nghề kép cũng được quy định tại các Đạo luật và văn bản khác như: Luật Giáo dục bắt buộc, Luật Bảo vệ người lao động trẻ, Đạo luật về Giải quyết các quy định quản lý Phòng Thương mại và Công nghiệp, Thỏa ước lao động tập thể...

GDNN là một trong hai lựa chọn đối với học sinh sau khi kết thúc giáo dục phổ thông bên cạnh giáo dục đại học ở các quốc gia này. Thực tế, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở Đức, Áo, Thụy Sĩ có thể lựa chọn học nghề kép hoặc học nghề toàn thời gian tại trường hoặc học đại học. Đào tạo nghề kép chiếm ưu thế và là lựa chọn hàng đầu đối với người học nghề. Riêng ở Đức, theo Báo cáo của Cục Thống kê Liên bang năm 2019, có khoảng 52,9% dân số tham gia đào tạo nghề kép và học viên tốt nghiệp đào tạo kép có việc làm đạt 96,4%; khoảng 427.227 trên tổng số 2,16 triệu doanh nghiệp cung cấp đào tạo (19,8%) với hơn 500.000 sinh viên mới được đào tạo mỗi năm.

Mô hình tập nghề ở Hoa Kỳ

Là một trong những đất nước có chất lượng giáo dục, đào tạo được đánh giá tốt nhất trên thế giới, Hoa Kỳ có nền giáo dục đứng đầu không chỉ về các chương trình đào tạo ở các bậc học mà các chương trình đào tạo nghề đang thu hút học viên từ khắp nơi trên thế giới.

Tập nghề là một mô hình được đề xuất nhằm tăng cơ bản số người hoàn thành tập nghề chính thức ở Hoa Kỳ từ 50.000 lên 1 triệu người mỗi năm. Trọng tâm là tạo ra một mạng lưới quốc gia gồm cơ sở tập nghề hàng đầu ở mỗi bang. Mỗi trường sẽ xây dựng các chương trình tập nghề mới bằng cách hợp tác và hoạt động như một trung tâm cho người sử dụng lao động, người lao động, trường trung học, trường cao đẳng cộng đồng và công đoàn. Với việc tiếp cận với Khoản vay Tập nghề Liên bang, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tận dụng hệ thống các trường của 50 bang để đào tạo và tuyển dụng lao động¹². Các chương trình tập nghề ở Hoa Kỳ được quy định bởi Đạo luật Smith - Hughes (1917), Đạo luật phục hồi công nghiệp quốc gia (1933) và Đạo luật Tập nghề

¹² <https://thirdway.imgix.net/downloads/apprenticeship-america-an-idea-to-reinvent-postsecondary-skills-for-the-digital-age/Apprenticeship-America-Infographic.pdf>

Quốc gia, còn được gọi là "Đạo luật Fitzgerald."¹³. Hệ thống các chương trình tập nghề đăng ký với Bộ Lao động Hoa Kỳ đã và đang đáp ứng nhu cầu của lực lượng lao động có tay nghề cao của Hoa Kỳ trong hơn 75 năm qua.

Tập nghề là một hệ thống đào tạo độc đáo, linh hoạt, kết hợp hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến công việc với học tập tại chỗ, tạo cơ hội cho những người lao động tìm kiếm công việc có kỹ năng cao, được trả lương cao và cho những người sử dụng lao động đang muốn xây dựng một lực lượng lao động có trình độ. Thời gian tập nghề thông thường từ 1 đến 6 năm và mức lương khởi điểm của người học được doanh nghiệp trả trong quá trình tập nghề tại doanh nghiệp trung bình là 15 đô la Mỹ mỗi giờ¹⁴. Mức lương trung bình cho một người lao động đã hoàn thành chương trình tập nghề là 50.000 đô la/năm, theo dữ liệu gần đây của Bộ Lao động Hoa Kỳ.¹⁵

Mô hình trường cao đẳng Kosen - Nhật Bản

Cùng với mô hình đào tạo nghề kép của Đức, mô hình KOSEN của Nhật Bản đã và đang được nhiều trường nghề trên thế giới áp dụng, trong đó có Việt Nam. Mô hình này tiếp nhận học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và đào tạo trong vòng 05 năm để cấp bằng cao đẳng. Dưới tiếp cận của triết lý giáo dục mở, mô hình KOSEN được coi như là một loại hình đào tạo nghề nghiệp mở cả ở hệ thống, ở cơ chế vận hành và sự tự do trong nhận thức của người học.

Tại Nhật Bản, bên cạnh nguồn lao động là các sinh viên tốt nghiệp Đại học có kiến thức lý thuyết sâu rộng và sinh viên tốt nghiệp hệ thống đào tạo nghề giỏi vận hành máy móc theo sự chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật thì thị trường lao động còn cần một lực lượng lao động có kỹ năng thực hành và khả năng sáng tạo để có thể tự giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất. Hệ thống trường cao đẳng Công nghệ Nhật Bản (Institute of National Colleges of Technology, Japan, tiếng Nhật là Kougyou Kotou Senmon Gakko) hay còn gọi là Hệ thống trường cao đẳng KOSEN được thành lập với mục tiêu đáp ứng nhu cầu này.

Hệ thống trường cao đẳng KOSEN được thành lập năm 1961 nhằm đáp ứng nhu cầu lớn về nguồn nhân lực của các ngành công nghiệp khi nền công nghiệp Nhật Bản đang ở trình độ vượt trội. Sứ mạng của KOSEN là đào tạo các kỹ sư kỹ thuật thực hành và sáng tạo. Để đạt được mục tiêu này, KOSEN tiến hành giáo dục kỹ thuật thực hành và chuyên nghiệp dựa trên một hệ thống tích hợp kéo dài 05 năm với các môn học tập chung và các môn học chuyên ngành được tổ chức một cách có hệ thống. Giá trị cốt lõi của KOSEN là đào tạo và phát triển cho sinh viên kỹ năng thực hành trên cơ sở kiến thức lý thuyết và khơi dậy sự sáng tạo để phù hợp với yêu cầu của ngành. Mô hình KOSEN với định hướng rất rõ ràng là nhằm gắn kết đào tạo nhân lực chất lượng cao với doanh nghiệp; đào tạo không chỉ lý thuyết mà hướng đến kỹ năng thực hành, khả năng sáng tạo của người học thông qua các hoạt động thực hành, nghiên

¹³ Theo Wikipedia

¹⁴ <https://www.nerdwallet.com/article/loans/student-loans/what-is-an-apprenticeship>

¹⁵ <https://www.nerdwallet.com/article/loans/student-loans/what-is-an-apprenticeship>

cứu. Hiện có 57 trường KOSEN trên khắp Nhật Bản¹⁶, trong đó có 51 trường quốc gia, 3 trường công lập và 3 trường tư thục (cấp địa phương). Mỗi trường có từ 4 đến 5 khoa với tổng số khoảng 1000 sinh viên. Mô hình này đã góp phần tạo việc làm hiệu quả cho sinh sau khi ra trường; tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm đạt gần như là 99%.

Mô hình trường cao đẳng kỹ thuật và nâng cao của Úc (TAFE)

Nói đến hệ thống giáo dục của Úc, không thể không nhắc đến TAFE như những nhà cung cấp giáo dục sau trung học lớn nhất nước Úc. TAFE (Technical and Further Education) là viết tắt của hệ thống các trường cao đẳng giáo dục kỹ thuật và nâng cao. Khái niệm TAFE đã có những ngày đầu tiên trong hệ thống giáo dục của Úc với hàng trăm cơ sở nhỏ trải dài khắp các bang của Úc.

Những năm đầu 1970, Chính phủ nhận thấy xu hướng hạn chế sự phát triển của GDNN và bắt đầu dành ưu tiên ngân sách cho dạy nghề và tái cấu trúc toàn bộ hệ thống các cơ sở GDNN theo hướng mỗi bang sẽ đầu tư một trường TAFE đủ năng lực đào tạo sinh viên trong nước và quốc tế, cung cấp các dịch vụ đào tạo ra nước ngoài. Chính phủ không xây dựng mới các cơ sở mà sử dụng cơ sở, khuôn viên của các trường cao đẳng sẵn có để nâng cấp, đầu tư đồng bộ thành 25-27 trường cao đẳng TAFE đặt tại các bang. Trong quá trình hoạt động, các TAFE này luôn được chính phủ hậu thuẫn và đảm bảo, đầu tư cơ sở vật chất hiện đại. Hệ thống TAFE được quản lý bởi 8 cơ quan chức năng của Tiểu bang và Vùng lãnh thổ với quy mô và đặc điểm khác nhau. Chính sách của Úc khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân và thành lập các cơ sở đào tạo tư nhân (Registered Training Organizations - RTOs) và hiện nay có tới hàng nghìn RTOs trên khắp nước Úc.

Hệ thống TAFE có một số đặc điểm phân biệt chúng với các lĩnh vực giáo dục khác. TAFE cung cấp đa dạng các khóa học, từ vài giờ cho đến hai hoặc ba năm cho các khóa học lấy văn bằng. Một đặc điểm khác của TAFE là sự đa dạng của các hình thức tham dự, phần lớn sinh viên TAFE tham gia học bán thời gian hoặc học bên ngoài, kết hợp làm việc và học tập. Sinh viên có thể tham dự các khóa học vào ban ngày hoặc vào buổi tối, từ xa. Mặc dù có hàng nghìn RTOs, TAFE luôn được biết đến là điểm đến của sinh viên trên toàn thế giới bởi sự uy tín được Chính phủ bảo đảm; khuôn viên trường học rộng rãi và trang thiết bị hiện đại bậc nhất thế giới giúp các sinh viên có thể thực hành tại chỗ; hơn 135 lĩnh vực ngành nghề có thể được lựa chọn và đặc biệt, khả năng liên thông linh hoạt với các trường đại học hàng đầu.

Trung tâm Chuyên môn hoá (Centres of Specilisation) Nam Phi

Năm 2016, Kế hoạch Phát triển Quốc gia của chính phủ và Kế hoạch Cơ sở Hạ tầng Quốc gia của chính phủ Nam Phi xác định thành lập 13 Trung tâm Chuyên môn hoá (Centres of Specilisation)¹⁷. Hai mục tiêu chính của dự án Trung tâm Chuyên hoá này gồm: (i) Giải quyết nhu cầu về các ngành nghề ưu

¹⁶ Văn phòng KOSEN tại Việt Nam

¹⁷ DHET, 2016

tiên cần thiết cho việc thực hiện các kế hoạch phát triển của chính phủ và (ii) Tăng cường năng lực của mạng lưới các trường cao đẳng GDNN công lập để cung cấp các bằng cấp nghề với sự hợp tác chặt chẽ với người sử dụng lao động và các tổ chức của họ.

Các Trung tâm này được thành lập trong các khuôn viên trường cao đẳng công lập hiện có và có nhiệm vụ thực hiện các chương trình học nghề kiểu mới trong 13 ngành nghề ưu tiên đã được xác định có nhu cầu cao về kỹ năng kỹ thuật trung cấp. Các trung tâm này được kỳ vọng sẽ trở thành địa điểm thực hành tốt mà các trường cao đẳng khác có thể làm theo và thúc đẩy chất lượng trong các lĩnh vực ưu tiên. Nơi đây cũng là các trung tâm kiểm định, công nhận chất lượng cho các ngành nghề ưu tiên.

Mô hình “một hệ thống, ba trường cao đẳng” của Singapore

GDNN được các nước công nhận là một trong những thành công của Singapore và là một yếu tố quan trọng (cùng với những yếu tố khác) đóng góp cho sự phát triển kinh tế và xã hội của quốc đảo này. *“Hệ thống GDNN cũng là niềm tự hào của riêng cá nhân tôi. Tôi đã từng tiếp đón các Thủ hiến, Thủ tướng của các nước ở chính tại các cơ sở này và mỗi lần, họ đều ra về với những ấn tượng rất đặc biệt, không chỉ bởi khuôn viên hay các khoa, ngành nơi đây, mà còn bởi tinh thần và năng lực tuyệt vời của các em sinh viên. Các trường Cao đẳng Bách khoa (ITE) là địa điểm, nơi mà 70% học sinh tốt nghiệp trung học khám phá ra những thế mạnh của chính mình và học được những kỹ năng có thể giúp họ có được những công việc và cuộc sống năng động, năng suất và có ý nghĩa”*¹⁸.

Có thể nói rằng thành công của GDNN Singapore là việc người dân coi giáo dục là nguyên tắc đạo đức và sự hỗ trợ không mệt mỏi của Chính phủ trong việc phát triển lĩnh vực này một cách tối đa ở một quốc gia nhỏ không có tài nguyên thiên nhiên. Để có được một nền GDNN được công nhận và có uy tín cao như hiện nay, đã có rất nhiều cuộc tranh luận và nỗ lực xoay trở của các nhà hoạch định chính sách nhằm thu hẹp khoảng cách giữa nhu cầu trước mắt và yêu cầu lâu dài.

GDNN ở Singapore đã song hành chặt chẽ với các giai đoạn tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Sự chuyển đổi thực sự diễn ra vào đầu những năm 2000, khi GDNN Singapore tái cơ cấu hệ thống các trường cao đẳng kỹ thuật và xây dựng thành ba trường cao đẳng bách khoa Singapore (ITE) lớn ở ba miền theo mô hình “Một hệ thống, ba trường cao đẳng” với phương pháp tiếp cận 4Ps đã được áp dụng, trong đó mỗi “P” sẽ đại diện cho một yếu tố quan trọng cho công cuộc chuyển đổi, cụ thể: People - Chuyển đổi con người (Nhân viên, Văn hóa và Năng lực); Products - Chuyển đổi sản phẩm (Chúng chỉ và Chương trình); Places - Chuyển đổi địa điểm (Cơ sở hạ tầng và Môi trường học tập); Picture - Chuyển đổi hình ảnh (Hình ảnh, Thương hiệu và Truyền thông). Theo mô hình này, hệ thống các trường cao đẳng kỹ thuật được tập hợp lại và hợp nhất thành

¹⁸ Ông Heng Swee Keat, Cựu Bộ trưởng Bộ Giáo dục Singapore (2011 - 2015).

ba cơ sở khu vực và được đổi tên thành Cao đẳng Bách khoa Singapore (ITE). Mỗi trường cao đẳng được trao quyền phát triển các lĩnh vực xuất sắc của riêng mình để nâng cao tính linh hoạt và đổi mới của ITE, trong khi trụ sở chính của ITE giám sát toàn bộ hệ thống, cấp chứng nhận, các vấn đề chính sách, xây dựng thương hiệu và nhân sự cũng như đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng. Sự thay đổi này tạo điều kiện cho việc học tập liên ngành tốt hơn, cung cấp một môi trường, khuôn viên trường sôi động hơn và giúp củng cố các nguồn lực. Thay vì các cơ sở đào tạo nhỏ phục vụ người dân địa phương, ITE đã trở thành một liên minh lớn với cơ sở vật chất, thiết bị lớn phục vụ đào tạo nghề¹⁹.

Chương trình Kỹ năng tương lai (SkillsFuture) là một chính sách quốc gia được Chính phủ Singapore triển khai thực hiện từ năm 2015. Mục tiêu tổng quát của Chương trình là để hỗ trợ phát triển nền kinh tế Singapore ở những giai đoạn tiếp theo thông qua chính sách phát triển kỹ năng và học tập suốt đời cho công dân Singapore. Mục tiêu cụ thể là (i) Hỗ trợ công dân Singapore có được lựa chọn đúng đắn về giáo dục, đào tạo và nghề nghiệp; (ii) Phát triển hệ thống giáo dục đào tạo tích hợp, chất lượng cao đáp ứng những thay đổi liên tục của thị trường lao động; (iii) Thúc đẩy người sử dụng lao động về việc công nhận và phát triển nghề nghiệp dựa vào kỹ năng; (iv) Nuôi dưỡng văn hóa để hỗ trợ và tôn vinh việc học tập suốt đời.

Theo chương trình này, mọi công dân Singapore dù ở bất kỳ vị trí, hoàn cảnh, trình độ đào tạo, kinh nghiệm làm việc nào đều có cơ hội phát triển tối đa về kỹ năng và năng lực của bản thân. Chương trình bao gồm một số sáng kiến - cấu phần cốt lõi (chẳng hạn như: Gói tín dụng SkillsFuture, chuyển đổi nghề nghiệp...) dành cho nhiều đối tượng trong đó tập trung vào sinh viên, người trưởng thành, doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các cơ sở đào tạo. Theo đó, công dân Singapore từ 25 tuổi trở lên đều có cơ hội tiếp cận gói hỗ trợ tín dụng SkillsFuture của Chính phủ với mức hỗ trợ 500 đô-la Singapore trở lên để tham gia đào tạo phát triển kỹ năng. Tính đến cuối năm 2017, tổng số công dân Singapore được hỗ trợ từ gói tín dụng là 285.000 người, tương ứng với 18.000 khóa đào tạo kỹ năng được triển khai.

Ngoài ra, Singapore còn đồng thời triển khai một số sáng kiến chính sách khác, như: (i) Giải thưởng cao nhất về kỹ năng của Chính phủ dành cho công dân Singapore có trên 10 năm kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực liên quan, giá trị giải thưởng là 10,000 đô la; (ii) Chương trình hỗ trợ người lao động thử việc tại doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động yếu thế, người lao động hoàn lương; (iii) Các chương trình trang bị cho công dân Singapore những kỹ năng cơ bản, tuy duy tích cực để thích ứng với nền kinh tế số trong tương lai.

Đánh giá chung

GDNN được coi là con đường chính để thanh niên các nước tham gia vào thị trường lao động. Tại các quốc gia phát triển trên thế giới, GDNN được xem

¹⁹ Giới thiệu ITE Singapore: https://www.youtube.com/watch?v=jI-ytUrg_g0

là định hướng của xã hội nhằm nâng cao năng suất lao động, giúp giới trẻ sớm ổn định cuộc sống. Mặc dù đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước nhưng trình độ phát triển của GDNN có sự khác nhau tùy thuộc vào chủ trương, chính sách và định hướng đầu tư của từng quốc gia.

Đối với Việt Nam, những năm vừa qua, GDNN đã được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức của xã hội về GDNN được nâng lên; số lượng, chất lượng GDNN từng bước đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, xã hội số, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, trước mục tiêu tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực, GDNN còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực về quy mô, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành nghề mới, kỹ năng nghề tương lai, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập quốc tế. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đầy nhanh đổi mới căn bản, toàn diện GDNN trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, việc nghiên cứu, vận dụng bài học kinh nghiệm về phát triển GDNN và kỹ năng nghề từ các quốc gia trên thế giới là vô cùng cần thiết.

Xuất phát từ bối cảnh, xu hướng, chính sách, chiến lược, mô hình phát triển GDNN của các quốc gia trên thế giới ở hiện tại và trong tương lai có thể thấy: (i) GDNN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế; (ii) Các loại hình cung cấp dịch vụ GDNN đang ngày càng trở nên đa dạng. Các quốc gia có hệ thống GDNN đào tạo tại trường học có xu hướng tăng cường hình thức tập nghề và ngược lại. Các hình thức đào tạo dựa trên công việc đang ngày càng được ưu tiên. Đồng thời, ranh giới giữa trường học - nơi làm việc và đào tạo nghề - giáo dục phổ thông ngày càng được thu hẹp; (iii) Các quốc gia giảm chú trọng vào số lượng bằng cấp trong khi mở rộng phạm vi của bằng cấp, vì chú trọng hơn vào năng lực, các kỹ năng xã hội và chuyển đổi; (iv) Định hướng GDNN dựa trên kết quả học tập và năng lực cho phép GDNN tiếp cận theo hướng tập trung hơn vào người học; (v) Sự linh hoạt hơn về thời gian và địa điểm học tập và xu hướng chấp nhận kết quả học tập trước đó mở ra cơ hội GDNN cho mọi đối tượng, cả thanh niên và người trưởng thành; (vi) Khi các kỹ năng thiên về trí tuệ chiếm ưu thế, nhu cầu đánh giá lại và làm mới các kỹ năng cũ, phù hợp hơn với công việc được chú trọng. Từ đó, có thể rút ra được một số kinh nghiệm trong việc đẩy nhanh hiện đại hóa, chuẩn hóa hệ thống GDNN và đổi mới phương thức đào tạo. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo ở các trường trọng điểm theo các vùng kinh tế. Nghiên cứu thí điểm hình thành hệ thống trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế thực hiện đa chức năng với những cơ chế đặc thù (đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý; thực hành, thực tập - sản

xuất; đổi mới, sáng tạo; đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; kiểm định chất lượng; thí điểm các mô hình đào tạo mới...).

Trong bối cảnh yêu cầu về một nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các ngành nghề trong tương lai, song song với việc đảm bảo hoạt động hiệu quả và bền vững của hệ thống GDNN, việc phát triển hệ thống trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế là rất cần thiết và đúng thời điểm để thực hiện được một cách hiệu quả việc cải cách, tái cấu trúc mạng lưới cơ sở GDNN, giới thiệu đổi mới công nghệ và kỹ thuật số, thúc đẩy sáng tạo và đi đầu trong phương pháp thiết kế và chuyển giao các chương trình giảng dạy mới; cung cấp các kỹ năng chất lượng cao theo quan điểm học tập suốt đời, thúc đẩy nghiên cứu và sự đổi mới.

2. Kinh nghiệm quốc tế về tiêu chí xác định cơ sở/trung tâm đào tạo nghề xuất sắc (Centres of Vocational Excellence)

2.1. Tại Liên minh Châu Âu (EU)^{20 21}

- COVEs (Centres of Vocational Excellence) là một sáng kiến chiến lược của Liên minh Châu Âu (EU) nhằm hiện đại hóa hệ thống giáo dục và đào tạo nghề. Thay vì là một trường/cơ sở/trung tâm đào tạo đơn lẻ, COVEs được hiểu là các mạng lưới hợp tác xuyên quốc gia kết nối các bên liên quan để tạo ra “hệ sinh thái kỹ năng”. Mục tiêu là cung cấp các kỹ năng nghề nghiệp chất lượng cao cho thanh niên và người lớn, đồng thời góp phần vào phát triển khu vực, đổi mới, các cụm công nghiệp, các chiến lược chuyên môn hóa thông minh và hòa nhập xã hội.

- Sự xuất sắc của COVEs không chỉ nằm ở năng lực nội tại của một trường/cơ sở/ trung tâm đào tạo nghề, mà nằm ở “giá trị gia tăng” thông qua mạng lưới quốc tế. Điều này buộc các trung tâm trường/cơ sở/ trung tâm đào tạo nghề phải thoát ra khỏi tư duy cục bộ để hợp tác, kết nối và hướng tới tiêu chuẩn chung của khu vực.

- Để một mạng lưới COVE được hình thành và nhận kinh phí tài trợ từ EU (thông qua chương trình Erasmus+), các tổ chức liên quan và các đơn vị đào tạo phải cùng nhau xây dựng một dự án và nộp hồ sơ lên chương trình Erasmus+. Để đủ điều kiện nhận tài trợ, đề xuất dự án dành cho một mạng lưới COVE phải đáp ứng các tiêu chí như sau:³

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
Vị trí pháp lý và quản trị	Để tham gia vào dự án COVE, các tổ chức phải đáp ứng các điều kiện pháp lý sau: - Tư cách pháp nhân: Phải là tổ chức công hoặc tư hoạt

²⁰ https://employment-social-affairs.ec.europa.eu/policies-and-activities/skills-and-qualifications/skills-jobs/centres-vocational-excellence_en

²¹ https://erasmusplus.tn/VET-2022/CENTRES-OF-VOCATIONAL-EXCELLENCE-programme-guide_2022_EN.pdf

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề hoặc trong thị trường lao động. - Địa điểm thiết lập: + Đơn vị nộp đơn (Applicant) thay mặt cho tất cả các tổ chức tham gia vào dự án phải được thành lập hợp pháp tại một Quốc gia Thành viên EU hoặc quốc gia thứ ba có liên kết với Chương trình. + Các đối tác khác có thể đến từ các Quốc gia Thành viên EU, quốc gia thứ ba liên kết với Chương trình, hoặc các quốc gia thứ ba không liên kết (nếu chứng minh được giá trị gia tăng thiết yếu), ngoại trừ Belarus. - Loại hình tổ chức: Bao gồm nhưng không giới hạn ở: các đơn vị đào tạo nghề (TVET providers), doanh nghiệp, tổ chức đại diện ngành, viện nghiên cứu, cơ quan đổi mới và các cơ quan phát triển vùng. - Quản trị theo mô hình mạng lưới đối tác quốc tế gồm ít nhất 8 thành viên từ ít nhất 4 quốc gia thành viên EU hoặc các quốc gia thứ ba liên kết với Chương trình (bao gồm ít nhất 2 quốc gia thành viên EU) và các tiêu chí chi tiết khác.
Diện tích đất sử dụng	Không có thông tin quy định cụ thể
Ngành, nghề đào tạo	Không giới hạn ngành cụ thể nhưng ưu tiên các lĩnh vực hỗ trợ chuyển đổi xanh và chuyển đổi số (Green & Digital transitions) và các ngành nằm trong chuỗi giá trị chiến lược của châu Âu.
Quy mô đào tạo	- Không quy định quy mô đào tạo số lượng học sinh, sinh viên tối thiểu trong một năm. - Quy mô được đánh giá dựa trên mức độ tác động và tính tương xứng với ngân sách (tối đa 4 triệu Euro); đồng thời có kế hoạch phổ biến/nhân rộng vượt ra ngoài các đối tác dự án. - Tập trung vào cả đào tạo ban đầu và đào tạo lại/nâng cao (upskilling/reskilling). - Đào tạo đa cấp độ theo Khung trình độ Châu Âu (EQF)

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	từ cấp 3 đến cấp 8. Các chương trình tập trung vào bậc cao (EQF 6-8) bắt buộc bao gồm ít nhất một trình độ đào tạo nghề khác thuộc các bậc 3 đến 5 của EQF, đồng thời phải có cấu phần đào tạo gắn với thực hành tại nơi làm việc (work-based learning) được thiết kế rõ ràng và có trọng tâm.
Cơ sở vật chất và công nghệ	- Không có danh mục thiết bị bắt buộc tuy nhiên khuyến khích thúc đẩy đổi mới sư phạm và ứng dụng công nghệ số hiện đại: thực tế ảo (VR), trí tuệ nhân tạo, mô phỏng (simulators), MOOCs. - Khuyến khích thiết lập các nhà máy học tập (Learning factories) và không gian sáng tạo (Makerspaces).
Đội ngũ nhà giáo	- Có yêu cầu hoạt động rõ ràng về phát triển chuyên môn ban đầu và thường xuyên cho đội ngũ giảng viên (kỹ năng sư phạm, chuyên môn kỹ thuật, xanh, số; năng lực dạy trực tuyến/từ xa) - Có cơ chế trao đổi giảng viên giữa các nước để chia sẻ kinh nghiệm và thực hành.
Liên kết doanh nghiệp	Thiết lập quan hệ đối tác giữa doanh nghiệp và cơ sở/trường/ trung tâm đào tạo nghề để tổ chức học nghề/thực tập, dự báo nhu cầu kỹ năng, chia sẻ thiết bị, trao đổi nhân sự và giảng viên giữa doanh nghiệp và cơ sở/trung tâm đào tạo nghề; đồng thời có thể tham gia “Pact for Skills”.
Kết quả đầu ra	- Tăng tỷ lệ việc làm cho người học, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao. - Phát triển các chứng chỉ vi mô (micro-credentials) theo chuẩn Châu Âu để ghi nhận kỹ năng đạt được. - Bảo đảm rằng kết quả/đầu ra được phổ biến rộng rãi ở cấp xuyên quốc gia, quốc gia và/hoặc vùng, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động dài hạn để triển khai các sản phẩm dự án sau khi kết thúc tài trợ. Kế hoạch này phải gắn với quan hệ đối tác bền vững giữa cơ sở đào tạo nghề và các tác nhân thị trường lao động.

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	- Thiết lập cơ chế phản hồi và hệ thống theo dõi người học đã tốt nghiệp (graduate tracking system) nhằm điều chỉnh kịp thời chương trình và nâng cao chất lượng
Điều kiện tài chính	- Quy định cơ chế tài trợ theo lump sum, trong đó mức hỗ trợ được quyết định dựa trên dự toán ngân sách, kết quả đánh giá và tỷ lệ tài trợ 80%, đồng thời quy định mức trần mà EU hỗ trợ là tối đa 4.000.000 EUR/dự án. - Không cho phép hỗ trợ tài chính cho bên thứ ba dưới dạng grants/prizes và không cho phép chi phí kiểm toán tài chính; - Ngân sách được cấu trúc theo các gói công việc (work packages) và đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành đầu ra. - Có kế hoạch duy trì tài chính và khả năng mở rộng sau khi kết thúc dự án (sustainability plan).
Nghiên cứu và đổi mới	- Cần thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa) để thực hiện nghiên cứu ứng dụng có sự tham gia của người học và đội ngũ giảng viên; - Khuyến khích hình thành/đồng kiến tạo các trung tâm đổi mới và công nghệ để hỗ trợ đổi mới trong doanh nghiệp.
Kiểm định và đánh giá	- Thiết lập cơ chế bảo đảm chất lượng (QA) vững chắc, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng và vận hành hệ thống QA dựa trên Khung đảm bảo chất lượng nghề nghiệp Châu Âu (EQAVET), đồng thời định hướng tới việc đạt được các chứng nhận theo chuẩn quốc tế (ví dụ ISO 21001 hoặc mô hình EFQM). - Quy định việc công nhận và xác thực kết quả học tập đạt được trong các hoạt động học tập của học sinh, sinh viên phải được thực hiện phù hợp với các công cụ, nguyên tắc về tính minh bạch và công nhận của châu Âu.

2.2. Vương quốc Anh (United Kingdom)

Từ đầu những năm 2000, Vương quốc Anh đã triển khai các chính sách nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tăng cường gắn kết giữa giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động. Trong bối cảnh đó, mạng lưới Centres of Vocational Excellence (CoVEs) được Chính phủ Anh triển khai từ

năm 2001 như một mô hình thí điểm và mở rộng, tập trung vào việc phát triển kỹ năng nghề chuyên sâu theo từng lĩnh vực ngành, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và đánh giá kỹ năng. CoVEs đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và tính phù hợp của đào tạo nghề trong giai đoạn này.

Từ sau năm 2010, trong bối cảnh yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, tác động của tiến bộ khoa học - công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mô hình CoVEs không còn được duy trì như một hệ thống độc lập ở cấp quốc gia mà được tích hợp, chuyển hóa vào các cấu trúc và sáng kiến mới có quy mô và mức độ liên kết cao hơn. Các mô hình tiêu biểu hiện nay, được xem là kế thừa và đảm nhiệm các chức năng tương đương của CoVEs, bao gồm:

- Các viện công nghệ (Institutes of Technology - IoTs) đang là trọng tâm trong chính sách phát triển kỹ năng hiện nay của Anh, được triển khai từ năm 2019 trên cơ sở liên kết giữa các cơ sở đào tạo tại nghề, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. IoTs tập trung đào tạo kỹ thuật và công nghệ bậc cao, đặc biệt trong các lĩnh vực STEM và các ngành ưu tiên của nền kinh tế.

- Mạng lưới kỹ năng nghề thế giới xuất sắc của Anh (WorldSkills UK Centres of Excellence) là hệ thống các cơ sở đào tạo áp dụng các tiêu chuẩn tay nghề quốc tế của WorldSkills vào chương trình đào tạo, qua đó nâng cao chất lượng kỹ năng, phương pháp giảng dạy và năng lực đội ngũ giáo viên, giảng viên.

- Các trường cao đẳng đào tạo kỹ thuật chất lượng cao (Technical Excellence Colleges) là định hướng chính sách mới được Chính phủ Anh thúc đẩy trong giai đoạn gần đây, nhằm bảo đảm cung ứng nguồn nhân lực kỹ năng cao cho các lĩnh vực kinh tế chiến lược như năng lượng tái tạo, xây dựng, công nghệ số và các ngành công nghiệp mũi nhọn khác.

Các tiêu chí đánh giá, xác định các cơ sở/trường đào tạo nghề đủ tiêu chuẩn để trở thành các trường cao đẳng chuyên sâu kỹ thuật (Institutes of Technology - IoTs) không được công bố rộng rãi. Do vậy, một số tiêu chí để cơ sở/trường đào tạo nghề được đánh giá là cơ sở đào tạo kỹ thuật chất lượng cao (Technical Excellence Colleges) như sau:^{22 23}

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
Vị trí pháp lý và quản trị	- Tiêu chí bắt buộc: Là trường cao đẳng giáo dục sau phổ thông (Further Education college - FE), bao gồm cả các cơ sở/trường cao đẳng đào tạo 02 năm học cuối của bậc học phổ thông ở Anh (Sixth Form Colleges) và các

²² <https://www.gov.uk/guidance/apply-to-become-a-technical-excellence-college#essential-eligibility-criteria>

²³ <https://www.gov.uk/government/publications/technical-excellence-colleges-launch-of-wave-2/technical-excellence-colleges-launch-of-wave-2#hub-and-spoke-model-of-delivery>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	cơ sở giáo dục được chỉ định thuộc khu vực FE công lập theo quy định của pháp luật Anh. - Các tiêu chí ưu tiên khác: + Có kinh nghiệm thực tế hoặc cam kết thực hiện chương trình đào tạo T-Levels. + Có kinh nghiệm trong việc giảng dạy với tư cách là đối tác của một Viện Công nghệ (Institute of Technology). + Từng đóng vai trò là đơn vị dẫn dắt dự án cho dự án thuộc Quỹ Cải thiện Kỹ năng Địa phương (LSIF). + Là thành viên của Mạng lưới kỹ năng nghề thế giới xuất sắc của Anh (WorldSkills UK Centre of Excellence).
Diện tích đất sử dụng	Văn bản quy định hiện hành của Chính phủ Anh không đưa ra định mức cụ thể về diện tích đất sử dụng tối thiểu²⁴
Ngành, nghề đào tạo và chương trình đào tạo	- Có năng lực triển khai các chương trình kỹ thuật bậc cao từ Bậc 4 trở lên (Level 4+ provision) và đã hoàn tất đăng ký với Văn phòng Sinh viên của Anh (Office for Students - OfS) để đảm bảo chất lượng đào tạo bậc cao. - Căn cứ yêu cầu hồ sơ đánh giá của Chính phủ Anh tại năm 2026, các cơ sở/trường phải có hoặc cam kết, tập trung vận hành các chương trình đào tạo chuyên sâu trong một số lĩnh vực ưu tiên gồm: Quốc phòng (Defence), Năng lượng sạch (Clean Energy), Kỹ thuật số và Công nghệ (Digital and Technologies), Sản xuất tiên tiến (Advanced Manufacturing); đồng thời, phải chứng minh mức độ phù hợp với danh mục ngành, nghề ưu tiên. - Ví dụ, trong mẫu hồ sơ: (a) Kỹ thuật số và Công nghệ nêu nhóm nghề ưu tiên như chuyên gia an ninh mạng (cyber security professionals), phân tích dữ liệu (data analysts), lập trình viên và phát triển phần mềm

²⁴ <https://www.gov.uk/guidance/apply-to-become-a-technical-excellence-college#essential-eligibility-criteria>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	(programmers and software development professionals)...; (b) Sản xuất tiên tiến nêu kỹ sư hàng không (aerospace engineers), thợ hàn (welding trades), kỹ sư cơ khí (mechanical engineers)...; (c) Quốc phòng nêu các nhóm nghề ưu tiên tương tự gắn với chuỗi cung ứng quốc phòng; (d) Năng lượng sạch liệt kê danh mục rộng về nghề kỹ thuật phục vụ chuyển dịch năng lượng.
Quy mô đào tạo	- Không công bố tiêu chí về quy mô đào tạo số lượng học sinh, sinh viên tối thiểu.
Cơ sở vật chất và công nghệ	- Yêu cầu chứng minh được năng lực vận hành theo mô hình Hub and Spoke model để chia sẻ nguồn lực công nghệ. - Có sự cam kết và minh chứng về việc hợp tác với doanh nghiệp để tiếp cận các thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ giảng dạy.
Đội ngũ nhà giáo	- Không có tiêu chí, yêu cầu cụ thể về năng lực giảng dạy chuyên môn của đội ngũ nhà giáo, tuy nhiên, phải đảm bảo cơ sở/trường đáp ứng tiêu chuẩn “Tốt” hoặc “Xuất sắc” thông qua báo cáo kiểm định chất lượng đào tạo tổng thể. - Yêu cầu có chương trình bồi dưỡng chuyên môn chuyên sâu (specialist continuous professional development – specialist CPD) cho đội ngũ nhà giáo sau khi trở thành TECs
Liên kết doanh nghiệp	- Có quan hệ đối tác với doanh nghiệp trong ngành ưu tiên và chứng minh khả năng huy động đầu tư/đóng góp để phát triển kỹ năng. Việc này cần được minh chứng thông qua việc các trường/cơ sở nộp hồ sơ ứng tuyển trở thành TEC; trong đó, cung cấp tối đa 06 văn bản xác nhận ủng hộ (written endorsements) từ các đối tác kỹ năng vùng hoặc quốc gia, các doanh nghiệp đầu ngành hoặc các cơ quan đại diện cho người sử dụng lao động (Employer Representative Bodies - ERBs). Các văn bản

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	này phải nêu rõ phương thức hợp tác cụ thể giữa doanh nghiệp và nhà trường.
Kết quả đầu ra	- Đáp ứng tối thiểu một trong các chỉ số kết quả sau: + Tỷ lệ hoàn thành/đạt kết quả (achievement rate) trên 84% theo nguồn dữ liệu giáo dục sau phổ thông và kỹ năng (FE and Skills data) năm 2023–2024; hoặc + Tỷ lệ hoàn thành chương trình học nghề (apprenticeships achievement rate) trên 61% theo bộ dữ liệu học nghề gần nhất được công bố. - Ngoài điều kiện nêu trên, phải trình bày dữ liệu/bảng chứng về các kết quả tích cực về việc làm, học nghề, học tiếp bậc cao hơn, và tác động dự kiến.
Điều kiện tài chính	- Có xếp hạng sức khỏe tài chính ở mức “tốt” hoặc “xuất sắc” (good/outstanding) tại năm tài chính kế trước, đồng thời, không thuộc diện can thiệp chính thức và không có quan ngại trọng yếu từ kiểm toán của Bộ Giáo dục Anh (DfE) gần đây. Sau khi DfE chốt xếp hạng tài chính tại các năm, nếu cơ sở/trường bị xếp mức “cần cải thiện / không đạt” thì cơ sở/trường không đủ điều kiện được trở thành TEC.
Nghiên cứu và đổi mới	Không có tiêu chí bắt buộc công khai về “nghiên cứu khoa học” (R&D) như một điều kiện riêng. Tuy nhiên, chương trình yêu cầu TEC thể hiện vai trò dẫn dắt và lan tỏa đổi mới dạy học - phát triển chương trình/giáo trình, chia sẻ mô hình và thực hành tốt trong mạng lưới;
Kiểm định và đánh giá	- Điều kiện kiểm định, đánh giá chất lượng được xác lập theo chuỗi: (1) Chất lượng đào tạo cơ sở/trường phải đạt mức tốt/xuất sắc theo Cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục (Ofsted); (2) DfE thực hiện kiểm tra điều kiện yêu cầu cơ bản khi trước xem xét, phê duyệt nội dung và hồ sơ; (3) sau khi được công nhận, TEC phải tham gia quy trình đánh giá và cung cấp dữ liệu tiến độ/kết quả

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	theo yêu cầu chương trình.

2.3. Tại Australia

Khái niệm Trung tâm đào tạo nghề Xuất sắc (TAFE Centre of Excellence) là một sáng kiến trọng điểm nằm trong Thỏa thuận Kỹ năng Quốc gia (National Skills Agreement - NSA) bắt đầu từ 1/1/2024 giữa Chính phủ Liên bang Úc và các bang/vùng lãnh thổ. Mục tiêu của Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc (TAFE Centre of Excellence) là thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp, các trường đại học và các cơ quan chính phủ để phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng đáp ứng nhu cầu của các ngành có tiềm năng cao và có ý nghĩa chiến lược; đồng thời, giải quyết các thách thức về lực lượng lao động đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và khu vực giáo dục sau trung học.²⁵

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
Vị trí pháp lý và quản trị	- Việc thiết lập một Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc phải thông qua sự thỏa thuận và ký kết Kế hoạch Triển khai Song phương (Bilateral Implementation Plan) giữa Chính phủ Liên bang Úc và Chính phủ Tiểu bang/Vùng lãnh thổ tương ứng. - Là một Tổ chức đào tạo được đăng ký (RTO) và tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Cơ quan quản lý chất lượng kỹ năng Úc (ASQA); đồng thời phải đáp ứng đủ các tiêu chí phía dưới đây.
Diện tích đất sử dụng	- Không có thông tin quy định cụ thể. Tuy nhiên, vị trí của Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc nên được tính toán đặt tại vị trí phù hợp. Ví dụ: Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc về An ninh quốc gia đặt tại Cơ sở

²⁵ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2023-12/national-skills-agreement.pdf>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	Regency của Học viện TAFE Nam Úc do gần các khu vực đóng tàu và kỹ thuật ²⁶
Ngành, nghề đào tạo	Tập trung vào các ngành, nghề then chốt và các ngành, nghề mới nổi trong lĩnh vực chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải ròng bằng không (net zero), lĩnh vực dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ thiết yếu và lĩnh vực kỹ năng số và công nghệ ²⁷
Quy mô đào tạo và yêu cầu đào tạo	- Không có tiêu chí quốc gia thống nhất cho các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE về quy mô đào tạo số lượng học sinh, sinh viên tối thiểu. Số liệu cụ thể sẽ được cung cấp khác nhau căn cứ bản Kế hoạch Triển khai Song phương (Bilateral Implementation Plan) giữa Chính phủ Liên bang Úc và Chính phủ Tiểu bang/Vùng lãnh thổ tương ứng. Ví dụ với Trung tâm Sản xuất Xuất sắc của TAFE (NSW) sẽ đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho 1000 học viên và công nhân trong các lĩnh vực và công nghệ truyền thống và công nghệ mới mỗi năm.²⁸ - Tập trung nâng cao trải nghiệm học tập của người học; đổi mới trong cung ứng giáo dục sau trung học, bao gồm việc xây dựng và triển khai chương trình học nghề trình độ cao (higher apprenticeships) trong các lĩnh vực có nhu cầu kỹ năng

²⁶ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2025-10/SA%20-%20National%20Security%20TAFE%20CoE%20-%20Implementation%20Plan.pdf>

²⁷ <https://www.dewr.gov.au/download/15779/tafe-centres-excellence/35151/tafe-centres-excellence/pdf>

²⁸ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2024-12/NSW%20-%20Manufacturing%20TAFE%20CoE%20-%20Implementation%20Plan.pdf>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	cao; thúc đẩy đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo. ²⁹
Cơ sở vật chất và công nghệ	- Không có tiêu chí quốc gia thống nhất cho các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE về Cơ sở vật chất và công nghệ. Tuy nhiên thông tin về Cơ sở vật chất và công nghệ áp dụng sẽ được cung cấp khác nhau căn cứ bản Kế hoạch Triển khai Song phương (Bilateral Implementation Plan) giữa Chính phủ Liên bang Úc và Chính phủ Tiểu bang/Vùng lãnh thổ tương ứng. - Ví dụ: Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc về An ninh quốc gia (National SecurityTAFE Centre of Excellence) thành lập các Phòng thí nghiệm công nghệ quan trọng (Critical Technology Labs). Trang bị các công nghệ hiện đại như: robot hàn, máy quét 3D, hệ thống thực tế ảo (AR/VR) và nền tảng kỹ thuật số đặc thù cho quốc phòng.³⁰
Đội ngũ nhà giáo	- Thúc đẩy xuất sắc trong dạy – học và đổi mới tổ chức³¹ - Không có tiêu chí quốc gia thống nhất cho các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE về đội ngũ nhà giáo. Tuy nhiên thông tin yêu cầu về đội ngũ nhà giáo sẽ được cung cấp khác nhau căn cứ bản Kế

²⁹ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2023-12/national-skills-agreement.pdf>

³⁰ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2025-10/SA%20-%20National%20Security%20TAFE%20CoE%20-%20Implementation%20Plan.pdf>

³¹ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2023-12/national-skills-agreement.pdf>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	hoạch Triển khai Song phương (Bilateral Implementation Plan) giữa Chính phủ Liên bang Úc và Chính phủ Tiểu bang/Vùng lãnh thổ tương ứng.
Liên kết doanh nghiệp và các bên liên quan	Thiết lập quan hệ đối tác và mạng lưới hợp tác với các bên liên quan, bao gồm: - Các doanh nghiệp sử dụng lao động, tổ chức công đoàn, trường đại học, các cấp chính quyền, Hội đồng Việc làm và Kỹ năng (Jobs and Skills Councils) và các bên liên quan khác; - Các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE khác đang cùng đáp ứng một ưu tiên quốc gia theo Thỏa thuận này; và - Các cơ sở TAFE và các đơn vị đào tạo khác, bao gồm thông qua Mạng lưới TAFE Quốc gia (National TAFE Network).³²
Kết quả đầu ra	- Không có tiêu chí, số liệu quốc gia thống nhất cho các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE về kết quả đầu ra. Tuy nhiên thông tin yêu cầu về kết quả đầu ra sẽ được cung cấp khác nhau căn cứ bản Kế hoạch Triển khai Song phương (Bilateral Implementation Plan) giữa Chính phủ Liên bang Úc và Chính phủ Tiểu bang/Vùng lãnh thổ tương ứng.
Điều kiện tài chính	Chính phủ Úc đang đầu tư lên tới 325 triệu đô la Úc trong 5 năm, yêu cầu sự đối ứng tương ứng từ các bang (matched

³² <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2023-12/national-skills-agreement.pdf>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	funding). Giải ngân dựa trên kết quả thực hiện các cột mốc quan trọng³³ - Chính phủ Úc công bố nguồn kinh phí bổ sung để đẩy nhanh tiến độ triển khai các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE được thành lập theo Thỏa thuận Kỹ năng Quốc gia (National Skills Agreement – NSA). Các Trung tâm này sẽ được kết nối theo mạng lưới ở cấp quốc gia nhằm cung cấp đào tạo trong các lĩnh vực ưu tiên, bao gồm: + Chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải ròng bằng không (net zero), + Cung cấp các dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ thiết yếu, và xây dựng năng lực kỹ năng số. - Tổng cộng 41,2 triệu đô la Úc trong giai đoạn 5 năm được bố trí để hỗ trợ biện pháp này, trong đó: Các bang có thể nộp hồ sơ đề xuất để tiếp cận 31,6 triệu đô la Úc nhằm đẩy nhanh việc thành lập các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE. Khoản kinh phí này bổ sung cho nguồn vốn đã có theo NSA; 9,6 triệu đô la Úc còn lại sẽ được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động nền tảng (enabling work) phục vụ việc phát triển và triển khai chương trình học nghề trình độ cao và học nghề bậc đại học (higher and degree apprenticeships).³⁴
Nghiên cứu và đổi mới	- Hỗ trợ các chương trình nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. - Ngoài ra, không có tiêu chí, số liệu quốc gia thống nhất cho các Trung tâm đào tạo

³³ <https://www.dewr.gov.au/download/15779/tafe-centres-excellence/35151/tafe-centres-excellence/pdf>

³⁴ <https://www.dewr.gov.au/national-skills-agreement/tafe-centres-excellence>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	ngành xuất sắc TAFE về kết quả đầu ra. Tuy nhiên thông tin yêu cầu về kết quả đầu ra sẽ được cung cấp khác nhau căn cứ bản Kế hoạch Triển khai Song phương (Bilateral Implementation Plan) giữa Chính phủ Liên bang Úc và Chính phủ Tiểu bang/Vùng lãnh thổ tương ứng. Ví dụ: Trung tâm Sản xuất Xuất sắc của TAFE (NSW) có kế hoạch, cam kết thực hiện thiết kế incubator hub, chương trình nghiên cứu ứng dụng, phát triển mô-đun/micro-credentials và mô hình đào tạo mới³⁵
Kiểm định và đánh giá kỹ năng	- Hiện nay chưa có quy định pháp lý riêng ở cấp quốc gia về bộ tiêu chí kiểm định và đánh giá kỹ năng dành riêng cho các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE. - Các Trung tâm này vẫn thực hiện kiểm định theo khung hiện hành, trong đó đào tạo nghề tuân thủ quy định của Cơ quan Quản lý Chất lượng Kỹ năng Úc (ASQA); các chương trình liên thông hoặc có yếu tố giáo dục đại học được triển khai trên cơ sở hợp tác và tuân thủ tiêu chuẩn của Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA) khi áp dụng. - Việc đánh giá kỹ năng chưa có quy định bắt buộc do Hội đồng Việc làm và Kỹ năng (Jobs and Skills Councils) thực hiện, song các Trung tâm đào tạo nghề xuất sắc TAFE được định hướng tăng cường sự tham gia của ngành và doanh nghiệp trong xây dựng chuẩn đầu ra và phương

³⁵ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2024-12/NSW%20-%20Manufacturing%20TAFE%20CoE%20-%20Implementation%20Plan.pdf>

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	thức đánh giá. Các hình thức đánh giá mới như “micro-credentials” hiện chưa mang tính bắt buộc nhưng được khuyến khích triển khai trong khuôn khổ Thỏa thuận Kỹ năng Quốc gia (National Skills Agreement – NSA), trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia hiện hành³⁶. - Ví dụ: tại bản Kế hoạch Triển khai Song phương của Trung tâm Sản xuất Xuất sắc TAFE (NSW) đề cập tích hợp/định hình lộ trình với các hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo nghề bậc 3 và nghề (ví dụ liên kết đào tạo nghề với đại học, các chuẩn/khung phù hợp),...³⁷

2.4. Hoa Kỳ (USA)

Hoa Kỳ không có một khung duy nhất cho CoE mà triển khai theo từng lĩnh vực chuyên sâu. Điển hình nhất là các Trung tâm Quốc gia về Học thuật Xuất sắc trong An ninh mạng (National Centers of Academic Excellence in Cybersecurity - NCAE-C) và các chương trình tăng cường năng lực cho trường Cao đẳng Cộng đồng của Bộ Lao động.¹⁴

Căn cứ vào quy định của Cơ quan An ninh Quốc gia (NSA) và Bộ Lao động Mỹ (DOL), các tiêu chí bao gồm:

- Mục tiêu: Tạo ra một lực lượng lao động chuyên gia có trình độ cao để bảo vệ hạ tầng quốc gia và thúc đẩy năng lực cạnh tranh trong các ngành công nghiệp ưu tiên (Sản xuất tiên tiến, Y tế, IT).¹⁴

- Vị trí pháp lý và quản trị: Phải là các cơ sở giáo dục sau phổ thông được công nhận vùng (regionally accredited). Yêu cầu có cấu trúc "Quản trị chia sẻ" (Shared governance) - nơi các khoa, phòng ban và các đối tác bên ngoài cùng tham gia quyết định chiến lược.¹⁵

- Diện tích đất sử dụng: Không quy định cụ thể diện tích đất trong văn bản chung nhưng yêu cầu về không gian cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu và thực hành chuyên sâu. Đối với các trung tâm thuộc Bộ Nông nghiệp (NIFA), diện

³⁶ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2023-12/national-skills-agreement.pdf>

³⁷ <https://federalfinancialrelations.gov.au/sites/federalfinancialrelations.gov.au/files/2024-12/NSW%20-%20Manufacturing%20TAFE%20CoE%20-%20Implementation%20Plan.pdf>

tích đất thực nghiệm là một yếu tố quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và khuyến nông.¹⁷

- Ngành, nghề đào tạo: Chuyên sâu theo từng định danh: Cyber Defense (Phòng thủ mạng), Cyber Operations (Vận hành mạng), hoặc Cyber Research (Nghiên cứu mạng). Các trung tâm phải chứng minh chương trình đào tạo (Program of Study - PoS) đáp ứng 100% các Đơn vị Tri thức (Knowledge Units) tiêu chuẩn.¹⁶

- Quy mô đào tạo: Đào tạo từ cấp độ chứng chỉ, bằng cộng sự (Associate) đến Tiến sĩ. Phải chứng minh có số lượng sinh viên nhập học và tốt nghiệp ổn định trong tối thiểu 3 năm.¹⁶

- Cơ sở vật chất và công nghệ: Phải cung cấp môi trường phòng thí nghiệm thực hành chuyên sâu (Applied Lab Exercises). Các trung tâm về nông nghiệp yêu cầu hạ tầng thí nghiệm và trang trại thực nghiệm.¹⁶

- Đội ngũ nhà giáo: Ít nhất 2 giảng viên cơ hữu giảng dạy các khóa học chuyên sâu. Giảng viên phải có lý lịch khoa học/ngành nghiệp xuất sắc, bao gồm các bằng sáng chế, công bố khoa học hoặc chứng chỉ công nghiệp cao cấp.¹⁶

- Liên kết doanh nghiệp: Phải có sự hỗ trợ tài chính hoặc hiện vật (in-kind support) từ các tổ chức bên ngoài. Tham gia vào các liên minh ngành để đảm bảo sinh viên có cơ hội thực tập và việc làm.¹⁷

- Kết quả đầu ra: Sinh viên tốt nghiệp phải đạt được các kỹ năng theo Khung NICE (đối với an ninh mạng). Phải có hệ thống theo dõi việc làm và sự thành công của sinh viên sau khi ra trường.¹⁶

- Điều kiện tài chính: Được tiếp cận các khoản tài trợ cạnh tranh (ví dụ: SCC5 grant trị giá khoảng 65 triệu USD cho 18 trường dẫn đầu năm 2024). Yêu cầu tỷ lệ đối ứng (Federal share thường là 50%).¹⁴

- Nghiên cứu và đổi mới: Đối với định danh CAE-R, trường phải được xếp hạng là Đại học Nghiên cứu có hoạt động rất cao hoặc cao (Carnegie R1/R2).¹⁵

- Kiểm định và đánh giá: Phải thực hiện quy trình tái định danh (re-designation) sau mỗi 5 năm. Quy trình bao gồm việc rà soát hồ sơ học thuật, sản phẩm của sinh viên và kiểm tra thực địa (on-site review).¹⁶

Điểm đặc thù của Mỹ là sự phân tách rõ rệt giữa các cấp độ xuất sắc: Một trung tâm có thể xuất sắc về "Đào tạo kỹ năng thực hành" (CAE-CD) hoặc xuất sắc về "Nghiên cứu" (CAE-R). Điều này cho phép các trường tập trung vào thế mạnh cốt lõi thay vì chạy theo các tiêu chí không phù hợp với nguồn lực.¹⁵

2.5. Tại các nước Châu Á (Singapore, Malaysia, Hàn Quốc)

Tại Châu Á, các quốc gia như Singapore, Malaysia và Hàn Quốc đã sử dụng mô hình CoE như một công cụ chiến lược để thoát khỏi cái bẫy thu nhập trung bình và nâng cao vị thế xã hội của giáo dục nghề nghiệp.²⁴

a) Singapore

Hệ thống ITE (Institute of Technical Education) của Singapore là một ví dụ điển hình trên toàn cầu về sự xuất sắc trong đào tạo nghề. Singapore áp dụng mô hình "Một hệ thống ITE, Ba trường Cao đẳng" (One ITE System, Three

Colleges) để đảm bảo tiêu chuẩn thống nhất nhưng vẫn cho phép sự chuyên sâu khác biệt.²⁷

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
Mục tiêu	Đào tạo lực lượng lao động sẵn sàng cho nền kinh tế tương lai, tập trung vào kỹ năng thực hành chuyên sâu và tư duy đổi mới. Khẩu hiệu cốt lõi là "Hands-on, Minds-on, Hearts-on". ²⁵
Vị trí pháp lý và quản trị	Là cơ quan Nhà nước (Statutory Board) thuộc Bộ Giáo dục (MOE). Hoạt động theo mô hình quản trị doanh nghiệp với sự chỉ đạo sát sao từ chính phủ nhưng có quyền tự chủ cao trong vận hành. ²⁷
Diện tích đất sử dụng	Các cơ sở CoE của Singapore có quy mô "Mega Campus". ITE College Central tọa lạc trên diện tích 10,61 héc-ta (tương đương 10 sân bóng đá), tổng diện tích sàn xây dựng (GFA) là 192.820 m ² . ²⁹
Ngành, nghề đào tạo	Mỗi trường Cao đẳng tập trung vào các lĩnh vực xuất sắc riêng. Ví dụ: College East tập trung vào Y khoa và Logistics; College West tập trung vào Cơ khí và Khách sạn; College Central tập trung vào Thiết kế và Công nghệ hàng không. ³¹
Quy mô đào tạo	Mỗi trường Cao đẳng có sức chứa từ 10.400 đến 11.500 sinh viên toàn thời gian và hàng ngàn học viên đào tạo thường xuyên (CET). ²⁹
Cơ sở vật chất và công nghệ	Tiêu chuẩn "Thế giới". Bao gồm: Nhà hát 1.400 chỗ, hồ bơi Olympic, sân vận động, và các "Trung tâm Phát triển

Nhóm tiêu chí	Nội dung chi tiết các tiêu chí xác định
	Công nghệ" (TDC) được trang bị như các nhà máy thông minh. ²⁹
Đội ngũ nhà giáo	Giảng viên là những chuyên gia có kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Phải tham gia vào các hoạt động R&D tại trung tâm TDC để duy trì năng lực công nghệ. ³⁰
Liên kết doanh nghiệp	Mô hình "Authentic Learning" (Học tập đích thực). Doanh nghiệp có thể đặt các cửa hàng bán lẻ, trung tâm dịch vụ hoặc xưởng sản xuất ngay trong trường để sinh viên thực tập trực tiếp. ³⁰
Kết quả đầu ra	Tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp đạt trên 90%. Vị thế của ITE được nâng cao vượt bậc: năm 2010 có 69% người dân tin tưởng chất lượng ITE so với 37% năm 1997. ²⁵
Điều kiện tài chính	Đầu tư công cực lớn: Mỗi Mega Campus có tổng vốn đầu tư từ 380 triệu đến 500 triệu SGD (bao gồm cả đất đai và thiết bị). ²⁹
Nghiên cứu và đổi mới	Trung tâm TDC (thành lập năm 2009) thực hiện R&D ứng dụng, thương mại hóa các sản phẩm và cung cấp dịch vụ tư vấn cho các doanh nghiệp địa phương (SMEs). ²⁸
Kiểm định và đánh giá kỹ năng	Áp dụng hệ thống chứng chỉ ITE (Nitec, Higher Nitec, Master Nitec) được ngành công nghiệp công nhận tuyệt đối. Đạt giải thưởng chất lượng quốc gia (Singapore Quality Award). ²⁸

Sự xuất sắc của Singapore đến từ tư duy "đầu tư trước đón đầu". Việc xây dựng các khuôn viên khổng lồ với đầy đủ tiện ích giúp xóa bỏ định kiến rằng trường nghề là dành cho học sinh kém, thay vào đó là môi trường học tập đẳng cấp không kém gì các đại học hàng đầu.²⁵

b) Malaysia

Malaysia triển khai hệ thống CoE thông qua các Trung tâm Công nghệ (Centre of Technology - COT) trong các trường Bách khoa và các Trung tâm xuất sắc giáo dục đại học (HICoE).³⁷

Căn cứ vào Hướng dẫn vận hành COT (2020) và tiêu chuẩn đánh giá HICoE của Bộ Đại học Malaysia:

- Mục tiêu: Trở thành trung tâm tham chiếu quốc gia và khu vực trong các lĩnh vực công nghệ cụ thể; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ chuyên gia.²⁶

- Vị trí pháp lý và quản trị: Phải được Hội đồng trường và Ban giám đốc công nhận. Hoạt động như một "Trung tâm trách nhiệm" (PTJ) có ngân sách và cơ cấu quản lý độc lập. Yêu cầu có kế hoạch chiến lược 5 năm.³⁷

- Diện tích đất sử dụng: Không quy định diện tích đất tối thiểu nhưng yêu cầu không gian phục vụ các phòng thí nghiệm chuyên sâu được chứng nhận quốc tế. Ví dụ: Trung tâm CMET@PSA phải có phòng hiệu chuẩn y tế đạt chuẩn ISO/IEC 17025.³⁹

- Ngành, nghề đào tạo: Tập trung vào các lĩnh vực ngách (niche areas). Các COT tiêu biểu bao gồm: Điện tử y sinh, Kỹ thuật quy trình, Công nghệ ô tô (như ATeC của trường PSMZA).³⁹

- Quy mô đào tạo: Phải có hồ sơ hoạt động liên tục trong ít nhất 5 năm. Quy mô đào tạo sau đại học (đối với HICoE) là một tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực nghiên cứu.³⁷

- Cơ sở vật chất và công nghệ: Phải có cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu và cung cấp dịch vụ cho cộng đồng. Ví dụ: Các thiết bị phân tích lỗi, phòng sạch cho vi điện tử, và các công cụ chẩn đoán xe điện (EV).³⁹

- Đội ngũ nhà giáo: Ít nhất 5 giảng viên cơ hữu toàn thời gian. Khuyến khích có nhiều giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ và các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế (BEM, MIA, MBOT).³⁷

- Liên kết doanh nghiệp: Sự gắn kết với công nghiệp được tính trọng số cao trong đánh giá COT (chiếm 20% tổng điểm). Phải có các hợp đồng tư vấn, đào tạo doanh nghiệp và các dự án hợp tác sản xuất thực tế.³⁸

Kết quả đầu ra: Đo lường qua 4 trụ cột: Giảng dạy, Dịch vụ chuyên gia, Nghiên cứu & Đổi mới, và Hợp tác. Yêu cầu có các công bố khoa học và giải thưởng công nghệ quốc tế.²⁶

- Điều kiện tài chính: Phải có khả năng tạo ra thu nhập (Income Generation). Tiêu chuẩn đối với COT là đạt doanh thu tối thiểu 120.000 RM/năm. Đối với HICoE dịch vụ, sau 3 năm phải tự trang trải 50% chi phí tiền lương.³⁷

- Nghiên cứu và đổi mới: Hoạt động R&I phải chiếm hơn 70% tổng hoạt động của trung tâm (đối với mảng nghiên cứu). Phải tham gia vào việc cập nhật Tiêu chuẩn Kỹ năng Nghề quốc gia (NOSS).³⁷

- Kiểm định và đánh giá: Đánh giá thông qua hệ thống "Star Rating" bởi hội đồng chuyên gia bên ngoài. Các chứng nhận ISO (như ISO 9001, ISO 17025) là điều kiện bắt buộc để duy trì trạng thái xuất sắc.³⁸

Malaysia đặc biệt coi trọng khả năng "tự chủ tài chính" và "dịch vụ chuyên gia". Một CoE tại Malaysia không chỉ dạy học mà còn hoạt động như một đơn vị kinh doanh công nghệ, cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho thị trường để tái đầu tư vào đào tạo.³⁷

c) Hàn Quốc (South Korea)

Mô hình Trường Trung học Meister (Meister High Schools - MHS) của Hàn Quốc được công nhận là một trong những hệ thống đào tạo nghề xuất sắc và sáng tạo nhất thế giới.²⁴

Căn cứ vào Luật Giáo dục Tiểu học và Trung học Hàn Quốc và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục (MOE):

- Mục tiêu: Đào tạo ra những "Bậc thầy trẻ" có khả năng thích ứng ngay với môi trường sản xuất công nghệ cao. Khẩu hiệu là "Việc làm trước, Đại học sau" (Employment First, College Later).²⁴

- Vị trí pháp lý và quản trị: Được phân loại là Trường Trung học mục đích đặc biệt (Special Purpose High School). Có quyền tự chủ tối đa về chương trình học và nhân sự. Hội đồng trường thường bao gồm các đại diện từ chính quyền địa phương và các doanh nghiệp lớn đối tác.²⁴

- Diện tích đất sử dụng: Theo Nghị định thi hành Luật Giáo dục, diện tích đất cơ bản cho một trường 12 lớp là 4.000 m². Tuy nhiên, các trường Meister thường được bố trí diện tích lớn hơn để xây dựng hệ thống ký túc xá cho 100% học sinh và các khu thực hành chuyên biệt.⁴⁶

- Ngành, nghề đào tạo: Tập trung vào các ngành công nghiệp mũi nhọn phù hợp với chiến lược phát triển của vùng. Ví dụ: Trường Bán dẫn Chungbuk gắn với SK Hynix; Trường Kỹ thuật Điện Sudo gắn với KEPCO.²⁴

- Quy mô đào tạo: Sĩ số lớp học cực nhỏ (tối đa 20 học sinh/lớp). Tổng số học sinh toàn trường thường dưới 600 em để đảm bảo sự chăm sóc và đào tạo cá nhân hóa.²⁴

- Cơ sở vật chất và công nghệ: Phải có cơ sở vật chất chuẩn công nghiệp. Doanh nghiệp thường tặng trang thiết bị hiện đại (ví dụ SK Hynix tặng thiết bị trị giá 2,8 tỷ KRW cho trường đối tác). Hệ thống ký túc xá là tiêu chí bắt buộc để thu hút học sinh tài năng từ khắp cả nước.⁴⁵

- Đội ngũ nhà giáo: Được phép tuyển dụng các chuyên gia từ ngành công nghiệp (Master Craftmen) làm giáo viên cơ hữu mà không cần bằng sư phạm truyền thống. Giáo viên được đào tạo nâng cao trình độ thực tế định kỳ.⁴⁵

- Liên kết doanh nghiệp: Phải ký Thỏa thuận hợp tác (MOU) với các tập đoàn lớn (Samsung, Hyundai, POSCO...). Doanh nghiệp tham gia thiết kế giáo trình và cam kết chỉ tiêu tuyển dụng hàng năm.⁴⁵

- Kết quả đầu ra: Tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp là tiêu chí sống còn, thường đạt trên 90%. Học sinh phải đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và chứng chỉ tiếng Anh, tin học trước khi ra trường.⁴⁵

- Điều kiện tài chính: Chính phủ tài trợ 100% học phí, phí nhập học và sinh hoạt phí trong ký túc xá. Ngân sách hỗ trợ cho mỗi trường lên tới 100 tỷ KRW cho việc nâng cấp thiết bị và đào tạo giáo viên.⁴⁵

- Nghiên cứu và đổi mới: Tập trung vào việc giải quyết các vấn đề thực tế tại xưởng (Problem-solving). Học sinh năm cuối phải thực hiện các dự án tốt nghiệp có tính ứng dụng cao cho doanh nghiệp.²⁴

- Kiểm định và đánh giá: Đánh giá khắt khe bởi Bộ Giáo dục và các viện nghiên cứu (như KRIVET). Kết quả đánh giá là cơ sở để tiếp tục cấp kinh phí hoặc tước danh hiệu Meister.⁴⁵

Mô hình Hàn Quốc chứng minh rằng sự xuất sắc không chỉ đến từ thiết bị mà còn từ "hệ sinh thái hỗ trợ". Việc miễn quân dịch hoặc cho phép tạm hoãn quân dịch cho học sinh trường Meister làm việc trong doanh nghiệp là một tiêu chí chính sách mạnh mẽ để thu hút nhân tài vào đào tạo nghề.⁴⁶

Tổng hợp và phân tích so sánh các tiêu chí CoVE quốc tế

Tiêu chí	Mỹ, Úc, Anh & Châu Âu	Singapore, Malaysia, Hàn Quốc
Mô hình Quản trị	Liên minh (Consortium) đa bên, doanh nghiệp dẫn dắt. ⁴	Nhà nước quản lý nhưng có quyền tự chủ cao theo mô hình doanh nghiệp. ²⁴
Diện tích & Hạ tầng	Không quy định cứng, tập trung vào vị trí trong các cụm công nghiệp. ²	Quy mô rất lớn (Singapore) hoặc chuyên sâu với 100% nội trú (Hàn Quốc). ²⁹
Mục tiêu đào tạo	Giải quyết khoảng cách kỹ năng bậc cao (Level 4-5) và an ninh quốc gia. ⁹	Đào tạo nhân tài kỹ thuật tinh hoa và tái định vị hình ảnh VET. ²⁵
Quan hệ doanh nghiệp	Doanh nghiệp là khách hàng và đối tác chiến lược. ²	Doanh nghiệp là người sử dụng lao động trực tiếp và người tham gia đào tạo. ³⁰
Năng lực giáo viên	Chú trọng kỹ năng số và trao đổi quốc tế. ⁴	Chú trọng kinh nghiệm thực tế tại xưởng và

Tiêu chí	Mỹ, Úc, Anh & Châu Âu	Singapore, Malaysia, Hàn Quốc
		trình độ Tiến sĩ/Chuyên gia. ³⁷
Đổi mới sáng tạo	Nghiên cứu ứng dụng và hỗ trợ chuyển đổi xanh/số. ²	R&D phục vụ SMEs và thương mại hóa sản phẩm. ²⁸
Tài chính	Grant từ chính phủ + học phí + phí đào tạo doanh nghiệp. ⁹	Ngân sách chính phủ đầu tư tập trung mức độ cao. ³⁰

Đánh giá chung, qua phân tích chuyên sâu về tính tất yếu của các tiêu chí, việc xem xét các tiêu chí trên không chỉ là bản liệt kê các yêu cầu kỹ thuật mà còn phản ánh các xu hướng quản trị hiện đại:

- Xu hướng Hệ sinh thái (The Ecosystem Trend): Tất cả các quốc gia đều chuyển từ việc đánh giá một "trường đơn lẻ" sang đánh giá một "mạng lưới liên kết". Một trường không thể xuất sắc nếu không có mối quan hệ hữu cơ với doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu. Điều này giải thích tại sao tiêu chí về "Vị trí pháp lý và quản trị" luôn yêu cầu sự hiện diện của các bên liên quan (stakeholders).²

- Xu hướng Chuyên sâu (The Niche Focus): Thay vì đào tạo đa ngành nhưng chất lượng trung bình, các CoE quốc tế đều phải chọn một "lĩnh vực ngách" (Niche area) hoặc "ngành công nghiệp ưu tiên" để tập trung nguồn lực. Tiêu chí về "Ngành nghề đào tạo" luôn gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế vùng hoặc quốc gia.⁵

- Xu hướng Hiệu quả kinh tế (The Economic Efficiency): Tiêu chí về "Điều kiện tài chính" ngày càng chú trọng vào khả năng tạo ra giá trị. Tại Malaysia và Anh, một trung tâm chỉ được coi là xuất sắc nếu nó chứng minh được khả năng tạo ra thu nhập từ dịch vụ kỹ thuật và tư vấn, thay vì chỉ sống dựa vào ngân sách.⁹

- Xu hướng "Học tập đích thực" (The Authentic Learning): Cơ sở vật chất không còn chỉ là phòng học và xưởng thực tập mà phải là "nhà máy học tập" (learning factories). Tiêu chí về "Cơ sở vật chất" yêu cầu sự tương đồng gần như tuyệt đối với môi trường sản xuất thực tế, giúp sinh viên không bị ngỡ ngàng khi ra trường.³⁰

Một số tiêu chí chưa được định lượng rõ ràng trong tất cả các quốc gia:

- Diện tích đất: Hầu hết các văn bản quốc tế tập trung vào diện tích sàn xây dựng (GFA) hoặc công năng sử dụng thay vì quy định tổng diện tích đất bao nhiêu héc-ta. Ngoại lệ rõ nhất là Singapore với các Mega Campus trên 10 héc-ta và Hàn Quốc với quy định diện tích tối thiểu theo số lớp.²⁹

- Số lượng giáo viên cụ thể: Ngoại trừ Malaysia yêu cầu ít nhất 5 nhân sự toàn thời gian và Mỹ yêu cầu ít nhất 2 giảng viên cơ hữu chuyên sâu cho mỗi chương trình, các quốc gia khác chủ yếu tập trung vào chất lượng và tiêu chuẩn năng lực của giáo viên thay vì số lượng tuyệt đối.²⁰

Từ kinh nghiệm quốc tế về tiêu chí xác định CoVE cho thấy đây là một hệ thống đánh giá đa chiều, linh hoạt nhưng tập trung vào kết quả đầu ra thực chất. Đối với Việt Nam, quá trình xây dựng khung tiêu chí cho các trường trọng điểm, trường chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế có thể cân nhắc các trụ cột sau:

(i) Quản trị: Chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình quản trị có sự tham gia trực tiếp của doanh nghiệp và hiệp hội nghề nghiệp vào hội đồng trường.

(ii) Chuyên môn hóa: Yêu cầu mỗi trường phải xác định lĩnh vực xuất sắc "ngách" thay vì đào tạo dàn trải, gắn kết với nhu cầu của các khu công nghiệp địa phương.

(iii) Hạ tầng: Ưu tiên đầu tư cho các thiết bị công nghệ tới hạn và không gian học tập thực tế; xây dựng hệ thống ký túc xá hiện đại để thu hút học sinh giỏi.

(iv) Tài chính: Thiết lập cơ chế cho phép các trường được cung cấp dịch vụ kỹ thuật, hiệu chuẩn, tư vấn công nghệ cho doanh nghiệp để tạo nguồn thu tái đầu tư.

(v) Đánh giá: Xây dựng hệ thống kiểm định định kỳ dựa trên tỷ lệ việc làm đúng ngành nghề và mức độ hài lòng của người sử dụng lao động.

Hệ thống tiêu chí CoE không nên là một "chiếc áo mặc chung" mà cần có sự phân cấp (như mô hình Mỹ hoặc Malaysia) để tạo lộ trình cho các trường phấn đấu từ "tiềm năng" lên "xuất sắc" và cuối cùng là "đẳng cấp thế giới".

Phần II

PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRỌNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2026-2035

I. Đánh giá thực trạng mạng lưới cơ sở GDNN và hệ thống trường chất lượng cao

1. Thực trạng mạng lưới cơ sở GDNN

Tính đến 31/12/2025, cả nước có 1.147 cơ sở GDNN gồm 502 cơ sở công lập, 645 cơ sở ngoài công lập (chiếm 56.2%). Trong đó 392 trường cao đẳng (267 trường công lập và 125 trường ngoài công lập); 358 trường trung cấp (125 trường công lập và 233 trường ngoài công lập); 397 trung tâm GDNN (110 trung tâm công lập và 287 trung tâm ngoài công lập).

Trong số 262 cơ sở GDNN công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ có 30% cơ sở GDNN do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4), 61% cơ sở GDNN bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3), 5% cơ sở GDNN tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), 4% cơ sở tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1). Hiện có 107 chương trình chất lượng cao triển khai tại 33 trường, quy mô hơn 6.300 người học; 77 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại 29 trường; có 35% số trường cao đẳng đã ứng dụng dạy học trực tuyến, 11 trường CĐ đã thí điểm xây dựng nền tảng học liệu số dùng chung (thuộc dự án GIZ).

Việc thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDNN triển khai chậm; mạng lưới không đồng đều giữa các vùng miền, trùng lặp ngành nghề, quy mô nhỏ, thiếu trung tâm dẫn dắt; vẫn còn một số địa phương thực hiện sáp nhập cơ học tất cả các cơ sở GDNN công lập thuộc phạm vi quản lý thành một cơ sở, không gắn với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chưa có giải pháp xử lý những phát sinh sau khi sắp xếp các cơ sở GDNN. Xu thế gần đây, các trường chuyển sang đào tạo đa ngành, nghề theo nhu cầu thị trường (chỉ còn khoảng 30% trường đào tạo các ngành, nghề chuyên sâu phục vụ nhân lực phát triển của các Bộ, ngành) dẫn tới tình trạng chùng chèo, trùng lặp về ngành, nghề đào tạo giữa các trường thuộc Bộ, ngành trên cùng một địa phương và giữa các trường thuộc Bộ, ngành với trường thuộc địa phương (tỷ lệ trùng lặp về ngành, nghề đào tạo từ 25-35%); chưa chú trọng phát triển những ngành, lĩnh vực đặc thù có lợi thế so sánh, những kỹ năng tương lai cho CMCN 4.0 và hội nhập quốc tế. Trong khi đó, việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDNN công lập, nhất là khối các Bộ, ngành Trung ương chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW.

1.1. Về năng lực đào tạo

Tổng quy mô tuyển sinh theo đăng ký hoạt động GDNN của các trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, sơ cấp là khoảng 874.000 học sinh, sinh viên tại 20 lĩnh vực. Trong đó: tuyển sinh cao nhất là lĩnh vực kỹ thuật: khoảng 180.000 học sinh, sinh viên; thấp nhất là lĩnh vực

toán và thống kê là 400 học sinh, sinh viên. Quy mô tuyển sinh cao nhất là vùng Đồng bằng sông Hồng khoảng 324.000 học sinh, sinh viên; thấp nhất là vùng Tây Nguyên: 44.000 học sinh, sinh viên. Địa phương có quy mô tuyển sinh cao nhất là Thành phố Hà Nội: khoảng 144.000 học sinh, sinh viên (*lĩnh vực tuyển sinh nhiều nhất là Kỹ thuật với 21.000 học sinh, sinh viên; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân: 19.500 học sinh, sinh viên; Kinh doanh và quản lý: 16.000 học sinh, sinh viên*); Thành phố Hồ Chí Minh: 138.500 học sinh, sinh viên (*lĩnh vực tuyển sinh nhiều nhất là Dịch vụ vận tải: 24.800 học sinh, sinh viên; Kinh doanh và quản lý: 24.500 học sinh, sinh viên; Kỹ thuật: 20.300 học sinh, sinh viên*). Địa phương có quy mô tuyển sinh thấp nhất là tỉnh Cao Bằng: 100 học sinh, sinh viên.

a) Đối với cơ sở GDNN thuộc bộ, ngành: hiện có 128 trường cao đẳng đặt tại 24 tỉnh, thành phố. Nhiều nhất là Thành phố Hà Nội (25 trường); Thành phố Hồ Chí Minh (15 trường). Một số bộ, ngành có nhiều trường cùng đóng trên 01 địa phương (*tỉnh Thái Nguyên có 05 trường thuộc Bộ Công Thương; Thành phố Hà Nội có 04 trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thành phố Hải Phòng có 03 trường thuộc Bộ Giao thông vận tải và 02 trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thành phố Hồ Chí Minh có 04 trường thuộc Bộ Giao thông vận tải và 3 trường thuộc Bộ Công Thương*). Các trường thuộc các bộ, ngành trùng lặp về địa bàn và nhiều ngành, nghề đào tạo với các trường thuộc địa phương (khoảng 50-70% về nhóm ngành, nghề đào tạo).

Tổng quy mô tuyển sinh theo đăng ký hoạt động GDNN của các trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, sơ cấp là khoảng 316.000 học sinh, sinh viên tại 20 lĩnh vực (chiếm khoảng 36% so với tổng quy mô của cả nước). Cao nhất là lĩnh vực Kỹ thuật khoảng 82.000 học sinh, sinh viên (chiếm khoảng 9,3% so với tổng quy mô của cả nước); thấp nhất là lĩnh vực toán và thống kê với 360 học sinh, sinh viên (chiếm 0.04% so với tổng quy mô cả nước).

Quy mô tuyển sinh cao nhất là hệ thống cơ sở GDNN thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (74.500 học sinh, sinh viên; Bộ Công Thương 71.000 học sinh, sinh viên); thấp nhất là Bộ Thông tin và Truyền thông với 700 học sinh, sinh viên.

Các trường đào tạo chuyên sâu, đặc thù: tập trung là các trường thuộc Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Các trường thuộc Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và môi trường, Bộ Tài chính, và một số trường của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo đào tạo đa ngành, nghề.

b) Đối với cơ sở GDNN của địa phương: Địa phương có quy mô tuyển sinh cao nhất là Thành phố Hà Nội: 143.637 học sinh, sinh viên (*lĩnh vực tuyển sinh nhiều nhất là Kỹ thuật với 20.962 học sinh, sinh viên; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân: 19.470 học sinh, sinh viên; Kinh doanh và quản lý: 16.025 học sinh, sinh viên*); Thành phố Hồ Chí Minh: 138.505 học sinh, sinh viên (*lĩnh vực tuyển sinh nhiều nhất là Dịch vụ vận tải: 24.800 học sinh, sinh viên; Kinh doanh và quản lý: 24.525 học sinh, sinh viên; Kỹ thuật: 20.303*

học sinh, sinh viên). Địa phương có quy mô tuyển sinh thấp nhất là tỉnh Cao Bằng: 100 học sinh, sinh viên.

Phần lớn các trường thuộc địa phương đào tạo đa ngành, nghề. Một số trường đào tạo chuyên sâu, đặc thù chủ yếu đào tạo khối ngành sức khỏe (các trường y tế); trường đào tạo lĩnh vực nghệ thuật. Xu thế gần đây, các trường chuyển sang đào tạo đa ngành, nghề theo nhu cầu thị trường (chỉ còn khoảng 30% trường đào tạo các ngành, nghề chuyên sâu phục vụ nhân lực phát triển của các Bộ, ngành) dẫn tới tình trạng chồng chéo, trùng lặp về ngành, nghề đào tạo giữa các trường thuộc Bộ, ngành trên cùng một địa phương và giữa các trường thuộc Bộ, ngành với trường thuộc địa phương (tỷ lệ trùng lặp về ngành, nghề đào tạo từ 25-35%); chưa chú trọng phát triển những ngành, lĩnh vực đặc thù có lợi thế so sánh, những kỹ năng tương lai cho CMCN 4.0 và hội nhập quốc tế.

1.2. Về các điều kiện đảm bảo

a) Diện tích đất: Qua tổng hợp báo cáo của 167 trường cao đẳng (58 trường cao đẳng thuộc các bộ, ngành; 109 trường cao đẳng thuộc địa phương), về cơ bản các trường có diện tích đảm bảo theo quy định (tối thiểu 02ha trong khu vực đô thị; 04 ha ngoài đô thị). Theo đó, số trường thuộc bộ, ngành có diện tích trên 10ha chiếm 20,7%, trường có diện tích trên 20ha chiếm 3,4%; số trường thuộc địa phương có diện tích trên 10ha chiếm 14,7%, trường có diện tích trên 20ha chiếm 1,8%.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo: các trường cao đẳng thuộc bộ, ngành, địa phương đều có phòng học lý thuyết, giảng đường, hội trường; xưởng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành; thư viện; ký túc xá; khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao đáp ứng quy mô quy mô đào tạo được cấp.

c) Về chất lượng đội ngũ nhà giáo: Đội ngũ nhà giáo của các trường tương đối đảm bảo 99,4% nhà giáo các trường đạt chuẩn về trình độ tin học; 81,5% nhà giáo đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3; 98,2% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; 88% nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng; 80% nhà giáo các trường được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy.

d) Về quy mô đào tạo: Qua thống kê, 36,5% các trường thuộc bộ, ngành và địa phương chưa đạt quy mô đào tạo tối thiểu 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi), trong đó tối thiểu 1.000 sinh viên hệ cao đẳng; 66% các trường có tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng của toàn trường không vượt quá 20% tổng số tuyển sinh; 45% các trường không có chương trình đào tạo là chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc được công nhận tương đương với chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN.

1.3. Việc đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn trường chất lượng cao

Khoảng 5,4% trong tổng số các trường đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn trường chất lượng cao theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày

30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao.

Mặc dù đã có một số trường cao đẳng công lập đạt mức phát triển tốt và có thể đáp ứng tiêu chí trường chất lượng cao theo quy định nhưng đến nay chưa có tổ chức đánh giá và công nhận chính thức; mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn còn phân tán, trùng lặp ngành nghề đào tạo, thiếu các đầu mối dẫn dắt theo vùng và quốc gia; cơ sở vật chất, đội ngũ và năng lực quản trị giữa các trường còn chênh lệch lớn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực chất lượng cao mang tính chiến lược, đồng bộ và bền vững.

2. Đánh giá kết quả triển khai Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025”

2.1. Đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao được triển khai theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020” và Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025” với một số nội dung chủ yếu như sau:

a) Định hướng

- Phát triển trường cao đẳng (không bao gồm trường cao đẳng sư phạm) chất lượng cao đào tạo nhân lực trực tiếp cho các ngành, nghề sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm về đào tạo nghề của thế giới; bảo đảm tính hệ thống, dài hạn, có lộ trình, bước đi phù hợp, các giải pháp đồng bộ, khả thi.

- Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao theo hướng “mở”. Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù, hỗ trợ đầu tư cho các trường được lựa chọn để đạt tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao; đồng thời khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa để những trường cao đẳng khác được đánh giá, công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao.

b) Mục tiêu của Đề án

(i) Mục tiêu tổng quát: Phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 40 trường cao đẳng chất lượng cao và đến năm 2025 có khoảng 70 trường cao đẳng chất lượng cao đủ năng lực đào tạo một số ngành, nghề được các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận, đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nghề nghiệp (GDNN) ở Việt Nam.

(ii) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020: Thí điểm đào tạo 34 ngành, nghề theo các chương trình đào tạo được chuyển giao từ nước ngoài theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư tập trung, đồng bộ cho những trường được lựa chọn có năng lực đào tạo tốt để đến năm 2020 có khoảng 40 trường được đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Từng bước mở rộng đào tạo các ngành, nghề đã thí điểm, có học sinh, sinh viên tốt nghiệp được các tổ chức giáo dục đào tạo quốc tế có uy tín đánh giá, công nhận văn bằng, chứng chỉ. Phần đầu đến năm 2025 có khoảng 70 trường được đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao, trong đó 03 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20, 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4.

c) Các nhiệm vụ và giải pháp

(i) Xây dựng và ban hành các tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao về: quy mô đào tạo; trình độ nhà giáo; gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo; quản trị nhà trường; trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo. Trường được công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao khi đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và đáp ứng các tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao.

(ii) Lựa chọn một số trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt, gần đáp ứng các tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao để có kế hoạch, lộ trình hỗ trợ đầu tư, tăng cường năng lực đào tạo và được đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao theo mục tiêu của Đề án.

(iii) Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, đổi mới công tác quản lý và giảng dạy theo hướng tiếp cận trình độ của các nước tiên tiến trên thế giới đối với các trường cao đẳng được lựa chọn, cụ thể:

- Đối với ngành, nghề đào tạo theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài: Triển khai có hiệu quả Đề án “Chuyển giao các bộ chương trình; đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN; đào tạo thí điểm các ngành, nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, quốc tế” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hỗ trợ đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo được chuyển giao;

- Đối với các ngành, nghề đào tạo khác: Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp cho từng ngành, nghề đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN; hỗ trợ đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm, học liệu đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

- Đào tạo ngoại ngữ, tin học cho nhà giáo, cán bộ quản lý và học sinh, sinh viên học các ngành, nghề trọng điểm có đủ năng lực, trình độ quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu theo tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao;

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ luật pháp, chấp hành kỷ luật lao động, phát huy khả năng chủ động, sáng tạo cho nhà giáo, cán bộ quản lý và học sinh, sinh viên của trường cao đẳng chất lượng cao.

(iv) Xây dựng và áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng ở các trường cao đẳng được lựa chọn; triển khai số hóa các hoạt động quản lý đào tạo, quản lý chất lượng, quản lý cán bộ, nhà giáo; mô phỏng hóa các chương trình đào tạo, trước hết là cho các ngành, nghề trọng điểm.

(v) Về cơ chế, chính sách phát triển trường cao đẳng chất lượng cao

- Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các trường cao đẳng (công lập và tư thục) tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao năng lực đào tạo theo tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao, cụ thể:

+ Ưu đãi về tín dụng đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của pháp luật;

+ Ưu đãi về thuế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gắn với đào tạo theo quy định của pháp luật;

+ Hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý, nhà giáo GDNN; sử dụng chương trình, giáo trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm;

+ Thí điểm đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo các ngành, nghề trọng điểm từ ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp trực tiếp cùng với nhà trường tổ chức đào tạo một số ngành, nghề trọng điểm gắn với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Các trường được công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao được Nhà nước ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện các dịch vụ đào tạo GDNN từ ngân sách nhà nước.

(vi) Chủ động, tích cực triển khai hội nhập quốc tế về GDNN theo các chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(vii) Việc đánh giá, công nhận trình độ của học sinh, sinh viên tốt nghiệp các ngành, nghề đào tạo theo chương trình được chuyển giao phải được tổ chức giáo dục, đào tạo có uy tín trên thế giới có chức năng đánh giá, thẩm định và công nhận bằng cấp thực hiện. Việc đánh giá, công nhận trình độ ngoại ngữ, tin học cho nhà giáo, học sinh, sinh viên do tổ chức giáo dục, đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện.

2.2. Kết quả thực hiện Đề án

Việc triển khai Đề án trường chất lượng cao đã đạt được một số kết quả nổi bật bước đầu: (i) xác định rõ tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao (về đội ngũ, chương trình, cơ sở vật chất, quản lý) và lộ trình đầu tư cụ thể đến năm 2025; (ii) tập trung đầu tư: Nhiều trường cao đẳng được lựa chọn đã nhận được sự đầu tư, nâng cấp trang thiết bị dạy nghề hiện đại, phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp, các trường này được ưu tiên tập trung nguồn lực, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là các ngành nghề trọng điểm; (iii) Chất lượng đào tạo của các trường chất lượng cao đã bước đầu khẳng định uy tín, nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau tốt nghiệp...

Tuy nhiên, Đề án còn một số hạn chế, tồn tại cụ thể như sau:

(1) Đề án không đạt được mục tiêu

Để hình thành trường cao đẳng chất lượng cao cần có cơ chế chính sách phát triển cùng nhiều giải pháp đồng bộ khác, nhất là nguồn lực tài chính và các điều kiện bảo đảm chất lượng. Nguyên nhân chủ yếu là: (i) khó khăn về nguồn

lực tài chính (Ngân sách từ Trung ương và địa phương không đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển chương trình, giáo trình trong đào tạo và đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Giai đoạn 2021-2025, chưa có Chương trình, Đề án riêng hỗ trợ cho phát triển các trường cao đẳng chất lượng cao; một số địa phương gặp khó khăn trong việc cân đối ngân sách; sự tham gia của khu vực tư nhân và các tổ chức doanh nghiệp vào đầu tư còn hạn chế do chưa có cơ chế khuyến khích rõ ràng...); (ii) hạn chế trong đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; một số nhà giáo thiếu năng lực về ngoại ngữ và kỹ năng giảng dạy tích hợp lý thuyết và thực hành; (iii) sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo nghề chưa đủ sâu. Nhiều doanh nghiệp chưa sẵn sàng hợp tác với các trường trong việc tổ chức đào tạo thực hành hoặc đặt hàng đào tạo. Do thiếu chính sách khuyến khích cụ thể để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia, như ưu đãi thuế, hỗ trợ kinh phí; (iv) thiếu hệ thống đánh giá định kỳ để đo lường hiệu quả của các hoạt động thuộc Đề án để có thể kịp thời phát hiện và điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai (*Báo cáo kết quả thực hiện chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

(2) Chưa có tiêu chí các trường phải có chương trình chất lượng cao hoặc chương trình được kiểm định quốc tế; giai đoạn đầu tư chỉ trong thời gian 05 năm nên chưa phù hợp để nhà trường hoàn thiện, phát triển

(3) Cách thức lựa chọn các trường

Theo Đề án 1363, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt danh sách các trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt, gần đáp ứng các tiêu chí của trường cao đẳng chất lượng cao bảo đảm công khai, minh bạch để có kế hoạch, lộ trình hỗ trợ đầu tư, tăng cường năng lực đào tạo và được đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao theo mục tiêu của Đề án. Tuy nhiên, việc này làm giảm trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương. Do đó, các Bộ, ngành, địa phương chủ quản chưa dành nhiều quan tâm, đầu tư nguồn lực cũng như chưa chủ động triển khai quyết liệt phát triển trường chất lượng cao. Việc xây dựng và phê duyệt Dự án đầu tư các trường chất lượng cao tại các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu; không triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; việc tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ở các trường còn chưa đáp ứng yêu cầu do thiếu nguồn vốn đầu tư...

(34) Về cơ chế, chính sách

Thông tư quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao chậm được ban hành. Ngày 30/12/2021 Bộ LĐ-TB&XH mới ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH quy định về tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao. Do vậy trong giai đoạn 2018-2020 chưa thể đánh giá, công nhận trường nghề chất lượng cao theo mục tiêu đề ra.

Thiếu hướng dẫn chi tiết về việc triển khai các tiêu chí trường chất lượng cao. Chưa có cụ thể các cơ chế, chính sách để phát triển trường cao đẳng chất lượng cao. Cũng như chưa có cơ chế ưu đãi và hỗ trợ cho các trường, nhà giáo,

và doanh nghiệp tham gia Đề án; chưa có chính sách về chi phí, kinh phí đối với hoạt động đánh giá, công nhận.

II. ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRỌNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO, TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Trường cao đẳng trọng điểm là tên gọi chung cho các loại hình trường cao đẳng chất lượng cao, trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế.

1. Trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao

Trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao (bao gồm trường công lập và tư thục) là trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng theo quy định và được công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao; có tối thiểu 03 chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng; đồng thời đạt một số tiêu chí chuyên môn khác của trường cao đẳng chất lượng cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có năng lực đào tạo các ngành, nghề trọng điểm của địa phương hoặc ngành, lĩnh vực ưu tiên, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của thị trường lao động; đồng thời đóng vai trò nòng cốt trong nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại địa phương; có chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc ngành, lĩnh vực ưu tiên; xác định rõ các ngành, nghề trọng điểm mà nhà trường tập trung đầu tư và phát triển; chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm có chuẩn đầu ra tích hợp năng lực xanh, số và bao trùm; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có trình độ ngoại ngữ và năng lực cập nhật công nghệ mới, tiêu chuẩn quốc tế và thực hành, sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề đào tạo; hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ một số ngành, nghề chất lượng cao trong GDNN; là trung tâm kết nối và thúc đẩy các cơ sở GDNN khác trên địa bàn; là đầu mối trên địa bàn để nhận đặt hàng về đào tạo chất lượng cao các trình độ của GDNN; đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý; tổ chức các sự kiện về hội giảng nhà giáo, thi kỹ năng nghề các cấp trong nước.

2. Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế

Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế (bao gồm trường công lập và tư thục) là trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; có tối thiểu 03 chương trình trình độ cao đẳng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế, đồng thời đạt một số tiêu chí chuyên môn khác của trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có năng lực đào tạo; ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế, có năng lực cạnh tranh vượt trội, tiếp cận trình độ các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới (trong đó, ưu tiên các ngành, lĩnh vực công nghệ chiến lược, ưu tiên quốc gia, như: Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ điện toán đám mây, Công nghệ Blockchain, AI, Công nghệ robot và tự động hóa, Công nghệ chip bán dẫn, An ninh mạng, ...); chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm có chuẩn đầu ra tích hợp năng lực xanh, số và bao trùm; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có trình độ ngoại ngữ và năng lực cập nhật công nghệ mới, tiêu chuẩn

quốc tế và thực hành, sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề đào tạo; là đầu mối hợp tác quốc tế, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp; là trung tâm kết nối với các trường cao đẳng chất lượng cao; là đầu mối quốc gia để nhận đặt hàng về đào tạo chất lượng cao các trình độ của giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; tổ chức các sự kiện về hội giảng nhà giáo, thi kỹ năng nghề các cấp trong nước và quốc tế; đóng vai trò dẫn dắt, lan tỏa, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; có chức năng chính: (i) Phát triển, chuyển giao chương trình đào tạo chất lượng cao, tiệm cận chuẩn quốc tế; (ii) Dẫn dắt đổi mới phương pháp đào tạo, quản trị và bảo đảm chất lượng; (iii) Tham gia đánh giá kỹ năng nghề, kiểm định, đánh giá chất lượng; (iv) Thúc đẩy hợp tác quốc tế, hỗ trợ nâng cao năng lực cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

3. Trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao là trường trọng điểm, có nhiệm vụ kết nối và đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong phạm vi vùng kinh tế - xã hội; được Bộ Giáo dục và Đào tạo đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

4. Trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao là trường trọng điểm, có nhiệm vụ kết nối và đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong phạm vi cả nước; Bộ Giáo dục và Đào tạo đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành và quốc gia; có khả năng đào tạo nguồn nhân lực kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN và trên thế giới.

5. Ngành, nghề đào tạo trọng điểm là những chương trình đào tạo chất lượng cao, đào tạo nhân lực cho các ngành kinh tế mũi nhọn đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương, ngành, vùng, quốc gia.

6. Ngành, nghề có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN; ngành, nghề đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới là những chương trình đào tạo trọng điểm, đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

2. Tiêu chí xác định trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc tế

2.1. Nguyên tắc xác định tiêu chí

(i) Theo chức năng được giao

Căn cứ chức năng được giao thực hiện đối với trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế để xác định tiêu chí phù hợp.

(ii) Phân tầng

- Trường trọng điểm chất lượng cao được đánh giá đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực chất lượng cao của địa phương.

- Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế có năng lực dẫn dắt, lan tỏa toàn hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

- (iii) Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế: bảo đảm chất lượng (QA/IQA), kiểm định, hợp tác doanh nghiệp, gắn kết quốc tế.

- (iv) Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế có khả năng lan tỏa; đào tạo lại, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý, chuyển giao chương trình cho trường khác. Đặc biệt chú trọng năng lực hỗ trợ hình thành và phát triển đội ngũ giáo viên, chương trình và cơ sở vật chất cho các trường trung học nghề.

- (v) Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế có năng lực đổi mới và định hướng tương lai: ngành nghề mới, ngành nghề công nghệ chiến lược, kỹ năng số, công nghệ 4.0, học tập suốt đời, ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế.

2.2. Tiêu chí chung đối với trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế

- Trường phải có vị trí đặt trụ sở chính tại địa phương; là trung tâm của địa phương; là trung tâm của vùng; đặc khu kinh tế.

- Chất lượng đào tạo và kiểm định: có chương trình được kiểm định quốc gia/ quốc tế; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, gắn kết mạnh mẽ và hiệu quả với doanh nghiệp.

- Quy mô, diện tích, cơ sở vật chất, công nghệ, trường học xanh: trang thiết bị hiện đại, đảm bảo các yêu cầu theo chuẩn ngành; có khả năng đào tạo số lượng lớn người học hoặc đào tạo theo tiêu chuẩn mới nổi (công nghệ chiến lược, công nghệ số, năng lượng tái tạo, AI...).

- Năng lực nhân sự: đội ngũ giáo viên, chuyên gia đạt chuẩn quốc gia, có kinh nghiệm thực tế doanh nghiệp; có năng lực đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (tính chất lan tỏa).

- Liên kết và hợp tác: có mạng lưới hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học; có hợp tác quốc tế, trao đổi chương trình/kỹ năng.

- Năng lực đổi mới, nghiên cứu và dẫn dắt hệ thống: khả năng nghiên cứu, phát triển trình độ/chương trình đào tạo mới; tham gia chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các cơ sở GDNN khác.

2.3. Tiêu chí đối với trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao

Trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành, kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu thực tiễn, đề xuất các tiêu chí xác định trường trọng điểm chất lượng cao, trường đạt trình độ quốc tế. **Các tiêu chí này giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết để triển khai thực hiện (tại phần Tổ chức thực hiện Đề án), cụ thể như sau:**

Trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao là cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực đào tạo các ngành, nghề trọng điểm của địa phương hoặc ngành, lĩnh vực ưu tiên, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của thị trường lao động; đồng thời đóng vai trò nòng cốt trong nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại địa phương; có chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc ngành, lĩnh vực ưu tiên; xác

định rõ các ngành, nghề trọng điểm mà nhà trường tập trung đầu tư và phát triển.

Việc phân loại trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao trong Đề án không nhằm thiết lập tiêu chí công nhận mới, mà được sử dụng phục vụ công tác quản lý, điều phối và ưu tiên đầu tư, làm cơ sở lựa chọn các trường tham gia lộ trình phát triển lên chuẩn quốc tế, bao gồm:

Cấp độ 1: Trường cao đẳng chất lượng cao có tối thiểu 08 chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng.

Cấp độ 2: Trường cao đẳng chất lượng cao có tối thiểu 05 chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng.

Cấp độ 3: Trường cao đẳng chất lượng cao có tối thiểu 03 chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng.

2.4. Tiêu chí đối với trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế

Việc công nhận trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế được thực hiện trên cơ sở đánh giá theo kết quả, năng lực và tác động, không trùng lặp với các yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao.

Trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế có năng lực vượt trội về kết quả đào tạo gắn với thị trường lao động, năng lực vận hành và bảo đảm chất lượng, đồng thời đóng vai trò dẫn dắt, lan tỏa, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; có chức năng chính: (i) Phát triển, chuyển giao chương trình đào tạo chất lượng cao, tiệm cận chuẩn quốc tế; (ii) Dẫn dắt đổi mới phương pháp đào tạo, quản trị và bảo đảm chất lượng; (iii) Tham gia đánh giá kỹ năng nghề, kiểm định, đánh giá chất lượng; (iv) Thúc đẩy hợp tác quốc tế, hỗ trợ nâng cao năng lực cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Cấp độ 1: Trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao có tối thiểu 08 chương trình trình độ cao đẳng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế.

Cấp độ 2: Trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao có tối thiểu 05 chương trình trình độ cao đẳng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế.

Cấp độ 3: Trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao có tối thiểu 03 chương trình trình độ cao đẳng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Mục tiêu tổng quát

Hình thành hệ thống trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế, là hạt nhân để hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhanh nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong giai đoạn 2026-2035.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn: 2026 - 2030:

Phân đầu cả nước có khoảng 50 trường cao đẳng chất lượng cao (mỗi địa phương cấp tỉnh có ít nhất 01 trường) trong đó:

- Có 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng, đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các

ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN.

- Các trường còn lại đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng, ngành và địa phương.

b) Giai đoạn 2031 - 2035:

Phân đầu cả nước có 60 trường cao đẳng tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 (mỗi địa phương cấp tỉnh có ít nhất 01 trường) và 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; đào tạo 200 ngành, nghề trọng điểm, trong đó 15 đến 20 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới.

3.3 Phạm vi, đối tượng

- Phạm vi: Trường cao đẳng trên phạm vi cả nước

- Đối tượng: Trường cao đẳng công lập và trường cao đẳng tư thục.

3.4. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển hệ thống trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định về tiêu chí, quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao, trong đó chú trọng chính sách ưu đãi, đãi ngộ, thu hút tuyển sinh học các ngành, nghề trọng điểm, nhất là các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia.

- Có chính sách tuyển dụng và sử dụng và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ quản lý nhà nước, kỹ sư, nghiên cứu viên, nhà giáo, chuyên gia kỹ thuật ở các trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế.

b) Lựa chọn, nâng cấp, đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho một số trường cao đẳng công lập để đạt tiêu chí trường chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế, nhất là các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng, ngành và địa phương. Hình thành các trung tâm vùng, trung tâm quốc gia về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế, có khả năng đào tạo nguồn nhân lực kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN và trên thế giới.

c) Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, đổi mới công tác quản lý và giảng dạy theo hướng tiếp cận trình độ của các nước tiên tiến trên thế giới. Bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ nhà giáo; nâng cao năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và năng lực cập nhật công nghệ mới, tiêu chuẩn quốc tế và thực hành, sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề đào tạo; có chính sách ưu đãi, thu hút nhân tài; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia đầu ngành tại các trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế;

tiếp nhận giảng viên, chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy.

d) Đổi mới quản lý đào tạo, chương trình, phương pháp đào tạo. Xây dựng, chuẩn hóa các chương trình đào tạo và đổi mới công tác quản lý và giảng dạy theo hướng tiếp cận trình độ của các nước tiên tiến trên thế giới; xây dựng chương trình đào tạo một số ngành, nghề trọng điểm có chuẩn đầu ra tích hợp năng lực xanh (an toàn - môi trường, hiệu quả năng lượng - tài nguyên, kinh tế tuần hoàn, tuân thủ tiêu chuẩn của ngành), số, bao trùm và được đánh giá thông qua thực hành, học tập tại doanh nghiệp hoặc đánh giá năng lực nghề; triển khai số hóa các hoạt động quản lý đào tạo, quản lý chất lượng, quản lý cán bộ, nhà giáo; phát triển học liệu, mô phỏng số, nền tảng học trực tuyến phục vụ đào tạo, bảo đảm sinh viên sau tốt nghiệp có thể làm việc ngay, góp phần rút ngắn thời gian đào tạo bổ sung sau tuyển dụng, trước hết là cho các ngành, nghề trọng điểm.

đ) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy hợp tác các bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao; xây dựng cơ chế, mô hình hợp tác công - tư để kết hợp nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước. Khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp trực tiếp cùng với nhà trường tổ chức đào tạo một số ngành, nghề trọng điểm gắn với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; chú trọng tăng cường năng lực tiếng Anh cho người học thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân và tạo lập môi trường sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thu hút sinh viên quốc tế và giảng viên quốc tế học tập và giảng dạy; tăng cường các chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh.

III. Nguồn lực thực hiện

1. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hàng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035, các chương trình, đề án, dự án, nguồn thu của các trường, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ nguồn lực hợp pháp trong việc triển khai và thực hiện Đề án.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí để triển khai Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Đề án, cụ thể:

a) Sửa đổi hoặc ban hành mới Thông tư quy định cụ thể các tiêu chí và quy

trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao, trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế; Thông tư quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Thông tư quy định về tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương lựa chọn, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư trọng điểm cho một số trường cao đẳng để đạt mục tiêu của Đề án.

c) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán và tổng hợp nhu cầu kinh phí đầu tư trọng điểm cho trường cao đẳng chất lượng cao, trường cao đẳng đạt chuẩn quốc tế gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung vào kế hoạch, dự toán ngân sách 5 năm và hàng năm.

d) Đặt hàng, giao nhiệm vụ của ngành, quốc gia cho các trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng, trung tâm quốc gia về đào tạo và thực hành chất lượng cao.

đ) Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương có liên quan bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo hướng dẫn cụ thể các cơ chế, chính sách để phát triển hệ thống trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế; kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện.

3. Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan

a) Chủ động sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; lựa chọn phát triển các ngành, nghề đào tạo trọng điểm, mũi nhọn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

b) Chủ trì lựa chọn trường cao đẳng của Bộ, ngành, địa phương hoạt động hiệu quả và ưu tiên huy động, phân bổ nguồn lực đầu tư trọng điểm để đạt tiêu chí của trường chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc tế; gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các trường xây dựng dự án đầu tư trọng điểm trường cao đẳng chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc tế; có kế hoạch, lộ trình hỗ trợ đầu tư, tăng cường năng lực đào tạo cụ thể để được đánh giá, công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc tế;

d) Phê duyệt dự án đầu tư trọng điểm cho trường cao đẳng chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc tế theo quy định và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi;

đ) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo đúng mục tiêu Đề án, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
1	Thông tư quy định chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	Năm 2026
2	Thông tư quy định chuẩn chương trình trung học nghề, trung cấp, cao đẳng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	Năm 2026
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao				
4	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	Năm 2026
5	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	Năm 2026
6	Thông tư quy định nội dung và mức chi hoạt động đánh giá, công nhận trường cao đẳng trọng điểm chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	Năm 2027
7	Xây dựng dự báo nhu cầu nguồn nhân lực	Các bộ, ngành, địa phương		Dự báo	Hàng năm, giai đoạn
8	Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo các ngành nghề, lĩnh vực trọng điểm với các cơ sở GDNN	Các bộ, ngành, địa phương			Thường xuyên
9	Lồng ghép các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo thành một trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển của bộ, ngành, địa phương và ưu tiên bố trí nguồn lực	Các bộ, ngành, địa phương			Hàng năm

